NĂM THỨ TƯ Số 164 Thứ năm 26 Octobre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

* Nhân câu chuyện Tấm Cám — *Hoa-Bằng*
* Đại nam dật sự (XLV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Dịch thơ đường — *Giản Chi*
* Một giờ với ông Nguyễn chí Thiện Giám-đốc Trường Mỹ — *Phạm-mạnh-Phan*
* Những ông nghè triều Lê (XCVI) — *Ưng Hòe*
* Bài phú Trung-lễ thất hỏa — *Lê-Thước*
* Đào duy Từ (1572 — 1634) (II) — Khái-sinh *Dương-tụ-Quán*
* Học-thuyết kinh-tế — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXIX) — *Ưng-Hòe*
* An tư (tiểu thuyết XIV) — *Nguyễn huy-Tưởng*

0$50

NHÂN CÂU CHUYỆN TÂM CÁM

HOA-BANG

Mới khi tiếp xúc Tây-phương, người minh thấy những kỹ-thuật tân-kỳ, máy-móc linh-tiệp của họ, không khỏi hoảng sợ hết thảy những cái đã đeo « lá nhãn âu-tây » rồi dám ra hoài nghi hoặc khinh-miệt tất cả những cái cổ-hữu của minh mặc dầu tụu trung cũng có chỗ hay, chỗ tốt. Đối với các học thuyết ngoại-lai cũng vậy, phần đông người minh thường hay nhắm mắt theo mù : háo hức ngốn nuốt cả tốt lẫn bỉ, chứ không mấy khi biết sàng-sẩy bỏ vỏ, bỏ chấu.

Vì vậy họ cứ tưởng lầm xã-hội Việt-nam xưa cũng giống in xã-hội lấy phương cổ, tập quán, phong-tục, chính-trị... ở bên minh hồi cuối Lê chẳng khác gì tập-quán, phong-tục, chính-trị... hồi thế-kỷ XVIII ở Âu-châu, nên chi họ không ngần ngại đem những quan-niệm về chính-trị và danh-từ về kinh-tế, ở Tây-phương mà gán lên cho cái thời-đại bút lông giấy bản ở bên ta ; bảo Nguyễn Hữu Chỉnh là đại-biểu cho giai-cấp phú-thương, bảo Nguyễn-Huệ đại-biểu cho phong-trào nông dân rồi lại phản-bội (!) thành thử mới bị « thí sát » (!!!).

Hóa theo cái đà « điếc làng, sáng họ » ấy, đa số thanh-niên đẻ ra lắm trò thật láng tức cười : chào nhau cũng chào bằng tiếng khác bắt vui cũng bắt bằng tiếng khác ! Họ làm như họ không còn là người Việt-nam hoặc họ là người Việt-nam nhưng tiếng mẹ đẻ không đủ để cho họ biểu-diễn một vài lời nói cần dùng và đôi chút ý-tưởng tầm thường nữa !

Họ thật không oan, khi nghe những lời phê bình này của một người Pháp, ông Roland Dorgelès, tác giả cuốn *Sur la route mandarine* :

« ...Pendant des siècles, la Chine l'a tenu asservi : il est devenu Czinois. Il a pris son écriture, sa morale, son art, ses coutumes, ses lois. Si Chinois même qu'on célèbre encore aujourd'hui, dans les pagodes d'Annam, des fêtes qui depuis longtemps n'ont plus lieu dans le Céleste Empire.

« Maintenant, c'est La France qui règne : ils deviennent Français Si Français (.....) qu'ils connaissent notre histoire mieux que la leur, parlent de Jeanne d'Arc et ignorent Lê-văn-Duyệt, si Français enfin — combien de fois cela m'a fait sourire — que des Annamites élégants, vêtus comme des Parisiens, et qui envoient leurs fils faire leurs études chez nous, affectent de ne plus rien comprendre quand un compatriote leur parle dans leur langue et s'y expriment eux-mêmes péniblement, cherchant leurs mots, comme s'ils étaient obligés de traduire. »

(...Trong mấy thế kỷ Bắc thuộc, người Nam hóa theo Tàu : Văn-tự, luân-lý, mỹ-thuật, tập-tục, quỉ thần, nhất nhất theo Tàu cả. « Tàu » đến nỗi lắm đền-miếu ở nước Nam bây giờ hãy còn những tự-điển mà từ lâu, chính ở « Thiên-triều » đã mất đi rồi.

Ngày nay thuộc Pháp, họ lại hóa theo Tây : « Tây » đến nỗi..... họ thuộc sử tây hơn sử họ, nói vanh-vách về Jeanne d'Arc, nhưng không biết gì đến Lê Văn Duyệt, « Tây » đến nỗi — bao phen tôi phải phì cười — làm người Annam sang-trọng, ăn mặc như người Paris, cho con sang Tây học, giả cách không hiểu chi hết khi nghe một người đồng-bào họ nói bằng tiếng nam, rồi họ lại lúng-túng tìm tàng tiếng, như gượng-gạo dịch ra để nói.)

Mấy lời phê bình ấy tưởng không quá đáng đối với hạng người mắc phải chứng bệnh « xả kỷ, luận nhân, hư nội, vụ ngoại » (1) như lời nhà học-giả Vương Dương-minh đã nêu ra đó.

Vì thế, bấy lâu chúng tôi nhắm theo cái đích : giới-thiệu những cái cổ-hữu tinh-túy của Đất Nước để người minh, nhân những bài học đi-vãng, giàu thêm cái sức tự tin, tin rằng, về mọi phương-diện, ta cũng có nhiều cái khả quan, có khi trội hơn « ngoại hóa » mà minh không biết, để cùng nhau mừng rằng dân tộc ta đây cũng có nhiều khả-năng tốt, rồi ngẫm trước trông sau, ta cũng cố gắng để dần dần đi tới cái bước đẹp đẽ hơn, hoàn-toàn hơn.

Vì thế, tôi cứ ra một chuyện đồng thoại như chuyện Tấm Cám để làm lệ, rồi kết luận rằng : « Ấy trong kho dã-sử và đồng-thoại của ta có nhiều chuyện hay-hay, có khi trội hơn cả chuyện nhi-đồng của ngoại-quốc, đại khái là thế. » (3)

Rồi đi đến chỗ ý chính : « Nếu các nhà văn ta nay biết nhân

những tài-liệu quí báu ấy mà viết lại thành những câu chuyện hứng thú cho trẻ con, tưởng cũng là việc nên gắng làm. » (4)

***

Không rõ vì ý của tôi như thế *Văn mới nghị luận* số 1, (trang 86-88), lên tiếng công-kích tôi bằng những lý-luận không có gì là vững-chắc cả.

Làm một công việc giới thiệu, nhằm theo cái đầu đề là « *Gốc tích chuyện Tấm Cám* », tôi tìm được xuất-xứ, dịch đúng nguyên văn, thế là đạt được mục đích rồi đó. Cũng nên, ở đoạn cuối, tôi chỉ so sánh phần quan chuyện Tấm Cám với chuyện con Lọ-Lem (Cendrillon), thì chuyện ta quả có ba điểm đẹp hơn, trội hơn của ngoại-quốc.

Nếu nhân chuyện Tấm Cám mà lại nghiên cứu đến cả Xã-hội Nam và xã-hội Pháp thuộc xưa, tổ-chức khác nhau thế nào, thì sự đi quá xa mà [illegible] một cuốn sách, chứ trong phạm vi một bài báo vắn hẹp, phải là có nên phạm vào tội « tiểu đề đại tố » không?

Sở dĩ tôi cho chuyện ta đẹp hơn, trội hơn là vì :

1) Tấm là con bé côi cả mẹ lẫn cha, nên mới phải ở với dì ghẻ phải chịu những sự ngược đãi bất-bạ của dì ghẻ. Đằng con Lọ-Lem thì khác : bấy còn cha sỡ-sờ ra đấy, sao nó lại không dám phàn nàn với cha, khi bị mẹ kế làm khổ? Thường tình, những trẻ bé côi mẹ hễ có điều gì bất mãn, đau đớn, lẽ tất nhiên phải kể-lể phàn-nàn với cha, là chỗ cậy cục và trong-cậy duy-nhất của nó. Vậy sao tác-giả chuyện Lọ Lem lại làm một sự vô-lý cái mãi cái « ân đến tối thiểu » của một đứa trẻ chết mẹ, khổ sở, đáng thương ấy? Đó là một điểm không có lý bằng chuyện Tấm Cám.

2) Cuộc đi xem hội vua trấy sở dĩ thú hơn là vì nó có tính cách phổ biến cho hết thảy các hạng người, ở đương thời. Không cứ già, trẻ, lớn, bé, trai, gái, chợ, quê, ai ai cũng có thể dự vào cả. Chứ đến cuộc nhảy đầm của một ông Hoàng thì cố nhiên, tuy không hạn chế, chỉ thích-hợp cho một hạng người, ấy là các cô thiếu nữ. Còn các bà già, các ông già, các trẻ em này khác? ai còn vào chỗ « vui-vẻ trẻ trung » ấy làm gì? Như vậy, bất luận ở xã-hội nào, thời-đại nào, không đợi nói, ai cũng biết hai cuộc vui ấy có tính-cách rộng, hẹp khác nhau. Nếu chuyện nào đã có tính-cách phổ-cập đại-đồng, thích-hợp với quần-chúng, thì tất nhiên chuyện ấy được coi là thú hơn.

3) Vì gặp mưa mà đánh nói bài ấy hợp lý hơn là vì sợ quá 12 giờ mà vội chạy để rơi giày da sao? Cái đó rất dễ hiểu. Vì mưa là do việc ngẫu-nhiên ở ngoài xảy đến, dẫn-dắt người đọc tới đấy cảm thấy một cái dịu-ngọt của câu chuyện, không khỏi thán phục trước những cái khéo-léo của cách kết-cấu. Còn con Lọ Lem? Đã được Tiên làm phép cho có quần áo và nữ trang diễm-lệ để đi nhảy đầm, trong thâm tâm nó tất ghi-khắc những ơn huệ của Tiên, lẽ tất nhiên nó không dám « liều lão » mà lãng quên những lời tiên dặn. Đằng này trái lại, nó vừa được tiên giúp cho có « bộ cánh » đẹp đẽ vội say mê lưu liến, quên cả giờ Tiên đã dặn. Như vậy có hợp tâm lý của phần đông không?

Căn cứ vào ba điểm ấy, tôi quả-quyết rằng chuyện Tấm Cám thật trội hơn, dẫu chuyện ấy không phải là của ta đi nữa.

***

Bây giờ xin trở lại ý chính tôi mong các nhà văn ta nay nên nhận những tài-liệu quí báu trong kho dã sử và tổng-thoại của ta mà viết lại thành những câu chuyện hứng thú cho trẻ. Đó vì tôi thấy hợp với tâm-lý đại-chúng hơn.

Là một người Nam viết trên mặt báo quốc-văn, mà nói đến « đại chúng », tất nhiên ai cũng biết là « đại chúng » xứ mình. Chứ « đại chúng » âu-mỹ họ có biết đâu đến những chuyện mình nói.

Còn muốn biết chuyện nào thích hợp với tâm-lý của đại chúng Việt-nam hơn? Tôi xin dẫn một chuyện này làm ví dụ.

Bữa 25 tháng tư 1920, hội Khai-trí có trình một buổi kịch, diễn vở « Bệnh-tưởng » (Le malade imaginaire) theo bản dịch của Nguyễn Văn-Vĩnh.

Xin các bạn thử tưởng tượng: kia, một loạt người Nam thân hình nhỏ thó, thoi-lôn trong những bộ y-phục cổ của người Pháp, rồi theo tâm tình tây, mà nói tiếng việt, rồi hò-điệu lúc thì ta lúc thì ta...

(Xem tiếp trang 21)

(1) Côi

(2) Bẽ mặt, thẹn, mới, rỡng bẽ trong [illegible] ngoài

(3) 42, Tạp Chí số 56, trang 2, 3, 17.

ĐẠI NAM DẬT SỬ

Số 46

Ông-hóc NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXX. — Đinh Tiên-hoàng
(bài nối)

Tục truyền rằng khi vua Đinh Tiên-hoàng (968 979) « còn nhỏ, đánh cá ở sông Giao-thủy, bắt được viên ngọc khuê (là viên ngọc trên nhọn dưới vuông), chạm vào thuyền sứt mất một góc. Đêm ấy ngủ ở chùa Giao-thủy, dấu ngọc khuê ở dưới đáy giỏ cá, đợi sớm hôm sau ra chợ bán cá. Lúc bấy giờ Tiên-hoàng ngủ say, trong giỏ cá có ánh sáng chiếu ra ngoài: sư chùa Giao-thủy gọi dậy hỏi. Tiên-hoàng nói thực, rồi đem ngọc cho xem. Nhà sư than rằng: « Ngày sau ngươi phú quí không thể nói được, hiềm vì hưởng phúc không được lâu dài ».

Việt-Nam phong-sử (của Nguyễn-văn-Mại, phó-bảng bố-chánh tỉnh Thanh-hóa năm 1914, sách viết trường Bác-cổ, số A B 320, tờ 26 b 27 a) chép câu ca-dao: « Con cóc nằm ở bờ ao, lăm-le lại muốn đớp sao trên giời » và giải nghĩa rằng: « Con cóc ví Đỗ-Thích, bờ ao là máng nước trong cung. Nhân việc sao-sa vào miệng là việc ngẫu nhiên, Đỗ-Thích không tự xét mình, làm việc thí nghịch, sau bị chết chém, thật chẳng khác gì con ếch nằm dưới giếng coi giời bằng vung ».

Sử chép Đinh Tiên-hoàng làm vua được mười hai năm, thọ năm mươi sáu tuổi. Con thứ là Vệ-vương Đinh-Toàn lên ngôi mới lên sáu (tháng 10 ta năm 979). Mẹ là Dương Thái-hậu làm thái-hậu. Nguyễn Bặc, Đinh-Điền và Lê Hoàn đều là đại thần phụ-chính, nhưng Lê-Hoàn chuyên giữ binh quyền, ra vào trong cung, không ai ngăn cấm. Thái-hậu (tức người đàn bà họ Dương, là mẹ Đinh-Toàn) trông thấy đẹp lòng, rồi cùng tư thông. Thái-hậu cho Lê-Hoàn quyền làm việc vua như bên Tàu Chu-công giúp Thành-vương, từ bấy giờ Lê-Hoàn cậy thế được thái-hậu yêu không kiêng sợ ai tự xưng phó-vương.

Bọn Nguyễn-Bặc mưu với nhau rằng: « Lê-Hoàn có lẽ không lợi cho vua nhỏ, bọn ta chịu hậu-ân của nước, nếu ta không sớm lo, để yên xã-tắc, thì mặt mũi nào trông thấy Tiên-đế ở dưới tuyền-đài? »

Rồi cùng nhau ngầm vào Ái-châu để khởi binh, chia ra thủy lục hai đường, muốn đến kinh-sư để giết Lê-Hoàn. Thái-hậu nghe biết chuyện, bảo Lê-Hoàn rằng: « Bọn Nguyễn-Bặc khởi loạn, nhà vua còn bé, chưa chịu được nhiều nạn, ông nên lo tính. » Lê-Hoàn thưa rằng: « Tôi giữ chức nhiếp chính, ngôi ở phó-vương, sống chết có quan-hệ », rồi sửa sang quân-lữ đến đánh Nguyễn-Bặc Đinh-Điền ở Ái-châu.

Nguyễn-Bặc Đinh-Điền thua chạy lấy thuyền quân tiến đánh, Lê-Hoàn nhân theo chiều gió thả lửa đốt chiến thuyền, Đinh-Điền bị chết tại trận. Nguyễn-Bặc bị bắt, đóng cũi đưa về kinh sư. Lê-Hoàn trách Nguyễn-Bặc rằng: « Tiên-đế mắc nạn, thần và người cùng giận, nhà ngươi là thần-tử lại nhân khi tắng loạn, làm đầu bọn giặc. Nghĩa thần-tử lại như thế ư? » Rồi giết chết.

Đinh-Điền Nguyễn Bặc đã chết, quân của Phạm-Hạp cùng bọn, kém khí hăng-hái, bị vỡ ở lắng Cát-lợi, trấn Bắc-giang (kinh-bắc), Lê-Hoàn đuổi theo bắt sống Phạm-Hạp, đưa về kinh-sư rồi giết chết (*Khâm-định Việt-sử* q. 1, tờ 9 b và 10 a).

Việc này vào khoảng tháng 11 năm kỷ-mão (979 hoặc tháng giêng tây năm 980) đến tháng 6 năm canh-thìn (980), tức là trong 8 tháng Đinh-Toàn làm vua.

Sang tháng 7 năm ấy (980) có quân nhà Tống sang xâm-lấn, thành một cơ hội cho Lê-Hoàn cướp ngôi, việc ấy *Khâm-định Việt-sử* (q. 1, tờ 12 b và 13 a) chép như sau này: « Trước năm 979, chức Tri Ung-châu là Hầu-nhân-Bảo dâng thư về vua Tống rằng: « Châu Giao trong cõi rối-loạn, có thể đem quân lấy được, xin về kinh quyết tỏ bày tình-trạng » vua Tống mừng, cho trạm vời Hầu-nhân-Bảo về. Nhưng có Lư-đa-Tốn tâu rằng: « Trong nước họ tự rối loạn, ấy chính là lúc giời làm mất, ta nên thình-lình đánh úp, nghĩa là sấm danh không kịp che tai, nếu vời Nhân-Bảo về, thì mưu tất lộ, họ được đủ ngày giờ phòng bị, thì chưa dễ lấy nổi. Chỉ bằng mật sai Nhân-Bảo sửa sang lo tính việc ấy, đem quân kéo dài, thế tất vạn toàn ». Vua Tống lấy làm phải, bèn cho Hầu-nhân-Bảo làm Giao-châu thủy lục chuyển-vận-sứ, bọn

Tôn-toản-Hưng Trần-Khâm-Tộ, Lưu-Trùng, Giả-Thị đều làm Binh-mã đô-bộ thự, hẹn ngày sang xâm chiếm ».

Quan ta ở Lạng-châu đem việc tâu về triều-đình, Dương-hậu sai Lê Hoàn tuyển dũng sĩ để chống cự, cho Phạm cự Lạng làm đại-tướng-quân, cùng mưu tính việc xuất quân. Cự-Lạng cùng các tướng đều mặc nhung phục thẳng vào điện đình, bảo quân chúng rằng: « Thường người có công mà phạt kẻ không theo mệnh lệnh, ấy là phép hành binh. Nay chúa-thượng còn bé, bọn ta tay hết sức cố chết, may được chút công, nhưng ai biết cho? Chi bằng trước tôn Thập-đạo tướng-quân làm thiên tử, rồi mới xuất quân »; Quân sĩ đều hô « vạn tuế ». Dương-hậu thấy lòng dân duyệt phục, sai lấy áo long-cổn mặc trên mình Lê-Hoàn (*Việt-sử cải-lương*, tờ 73 b chép là chính tay Dương-hậu lấy áo long-cổn mặc lên mình Lê-Hoàn) và thân khuyên Lê-Hoàn lên ngôi.

Lê-Hoàn lên ngôi hoàng-đế giáng Đinh-Toàn lại làm vệ-vương. Thế là ngôi báu của nhà Đinh, trong giây phút đã hóa ra nhà Lê rồi.

Việt-nam Phong sử, (tờ 27b 28a) có chép câu ca-dao: « Nước trong khe suối chảy ra, mình chê ta dục, mình đà trong chưa! »: mình tức là Lê Hoàn, ta tức là Nguyễn-Bặc, Lê-Hoàn trách Nguyễn-Bặc « nghĩa thần tử lại như thế ư! » mà sau Lê Hoàn lại mưu với quân sĩ để cướp ngôi nhà Đinh, thế là mình chê người dục mà mình cũng không được trong. *Việt sử lược từ tự kinh* của Trần-Kỷ, đề-học Vĩnh-yên (sách viết trường Bác-cổ số A 1521, q. 1, tờ 36 a và b) có ép một đoạn tục truyền về chuyện Đinh-tiên-hoàng như sau này: « Ở trong động Hoa lư có một cái đầm sâu, bà mẹ Đinh Tiên hoàng ra đấy tắm rửa. Một hôm bị con giải-cá hiếp (!) Sau người trong động bắt được con giải cá mổ ăn thịt, bà mẹ nhặt những xương giải cá gói lại để trên gác bếp, rồi dặn con (tức Tiên-hoàng): « Xương bố mày ở đấy ». Đến khi Tiên hoàng lớn, gởi lội nước, có người địa-lý Tàu sang ta tìm long-mạch đến chỗ đầm ấy, thấy một tia sáng đỏ, đi từ giữa đầm thẳng lên sao Thiên mã. Người Tàu cho Tiên-hoàng rất nhiều tiền, bảo lội xuống chỗ sâu, thử cầm nắm cỏ đút vào miệng ngựa, con ngựa quả nhiên ăn hết (!) người Khách đi khỏi, Tiên hoàng trong lòng biết vậy, về nhà lấy xương ở trên gác bếp, bọc vào trong cỏ cho ngựa ăn. Từ bấy giờ nhân dân sợ phục, vài năm sau người Tàu đem mộ tiền-tổ sang, đã nghe Tiên-hoàng có thủ-hạ đến hơn nghìn người, người Tàu căm giận lắm, rồi sui Tiên-hoàng lấy gươm đeo vào cổ ngựa thì mới tung hoành được thiên hạ. Tiên-hoàng tin là phải, lội xuống nước treo gươm ở cổ ngựa, bị nước chảy lay động, lâu ngày, cổ ngựa đứt, thì Tiên-hoàng bị giết, tức là mắc mưu người Tàu »!

Chuyện này cũng là một chuyện của các nhà làm dã sử tự đặt ra cho vui câu chuyện, chứ không nên tin là có thực.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN TỐ

DỊCH THƠ ĐƯỜNG

憑戎老親乾吳今昔登
杜軒馬病朋坤楚上閣笛
甫滿關有無日東笛洞陽
泗山孤一夜南陽庭樓
流北舟宇浮折樓水

Lên lầu Nhạc-dương

Đồng-đình nghe nói từ xưa,
Nhạc-dương lầu ấy bây giờ lên chơi.
Đông, nam, Ngô, Sở; tách vời,
Ngày, đêm man mác, đất giời nổi nênh....
Đâu tin bằng bạn, gia đình?
Chiếc thân già bệnh, lênh đênh con thuyền!
Ải ngoài, thét ngựa, bay lên,
Chan-hoà, khi tựa bên hiên giọt dài.

GIẢN-CHI

Cuộc phỏng vấn của Tri Tân

MỘT GIỜ VỚI ÔNG NG-CHÍ-THIỆN

Giám đốc « TRƯỜNG MÙ »

PHẠM-MẠNH-PHAN

ỘT sớm thu êm dịu, tôi bước chân vào nghĩa trang Quảng Thiện trên con đường cái quan Hanoï Hàđông để vào thăm « *Trường mù Ducoroy* » đặt tạm trong nhà hội đồng.

Tôi đã được gặp ông Nguyễn chí Thiện giám đốc trường mù ngay trong lớp học với hai mươi nhăm trẻ em mù vừa gái vừa trai.

Lớp học là một căn buồng rộng một nửa kê mấy tấm phản hiên có chiếu để các trẻ em ngoài giờ học làm chỗ ngả lưng. Một nửa có mấy chiếc bàn ghế học trò một bàn giấy của ông Thiện, một tủ sách và ngay cạnh cửa một hòm khóa để các khách tới thăm giầu lòng từ thiện quyên giúp nhà trường.

***

Nghe tiếng gõ cửa, ông Thiện chậm chạm ra tiếp tôi như một người thường

Ông bận áo phi, mới trông không ai bảo là một người bị mục ặt, vì cặp mắt của ông vẫn tỏ như mọi người, hơi lờ đ đ đi chut. Chỉ có dáng đi của ông là hơi chậm và khờ khạo.

Nhìn ông với hai mươi nhăm trẻ em mù ngồi trong lớp tự nhiên tôi thấy động lòng trắc ẩn mà bùi ngùi cho những ai đã vì số phận rủi ro phải suốt đời sống âm thầm trong cõi tối âm u ảm đạm!

Sau khi tôi tự giới thiệu, ông Thiện mời tôi ngồi và quay lại bảo lũ học trò mù:

— Các em ngồi im khoanh tay cả lại, không được nói chuyện.

Tôi hỏi qua về thân thế ông và nông nỗi vì đâu ông bị nạn.

Với một giọng nhè nhẹ, ông thư thả đáp như có vẻ bùi ngùi:

— Tôi năm nay 27 tuổi ta 29 tuổi tây. Trước tôi ở ngoài Bắc này và theo học năm thứ ba trường Bưởi. Gia đình tôi là một gia đình bực trung. Cha tôi hiện làm cho một sở lấy dựa thông ở Blao. Mẹ tôi và anh cả tôi hiện mở một tiệm ăn ở Saïgon. Tôi bị nạn sau một cuộc chơi đá bóng tròn rồi vô Nam để chữa. Gia đình tôi vận động cho tôi qua Pháp để tìm danh y nhưng vấp phải nhiều nỗi khó khăn.

Kịp khi tôi gặp ông Luzergues giám đốc trường mù ở Saigon, ông liền cho tôi vào học trong trường ông. Tôi học trong đó mười năm. Năm 1939 tôi đã dự định mở một trường mù nhưng không thành. Tôi có ngỏ ý ấy với một bà Sơ Pháp thì bà ta cho là nên dạy người mù xay lúa giã gạo chứ dạy chữ thật vô ích. Nhưng chẳng may ít lâu sau bà ta lại trở nên mù.

Tôi là người trong cảnh nên thấu rõ nỗi thống khổ của những người mù. Từ năm 1940 đến cuối năm 1943 tôi cũng đã gặp nhiều bực tri thức vào chơi trong Nam và các bậc đó chỉ hứa hẹn rồi cũng lẫn quên câu chuyện cũ. Cái mộng lập trường mù không thành tôi dành lưu lại Saigon để dạy các người mù khác và chơi kèn, có tháng kiếm trên 200 đồng.

— Ông làm ơn cho biết trong trường hợp nào ông đã có dịp ra dây và nói qua cho về lịch sử trường mù này trong buổi đầu thành lập.

Ông Thiện ngửng một vài giây và ngước cặp mắt chết lên trần nhà, như để suy nghĩ, rồi ông trả lời:

— « Tôi vẫn hằng ngày đêm nghĩ đến các người mù khác và mong cho đời họ được

thêm tươi sáng. Tôi muốn họ cũng được « trông » và « đọc chữ » theo lối của người mù như tôi để mở mang tri thức và đỡ những niềm đau khổ vì số phận gây nên. Kịp đoàn du lịch ở Bắc vào Nam khoảng tháng 8 năm 1943 Ông trưởng đoàn nhân cùng các bạn vào thăm trường mù Saigon, biết rõ ý định của tôi, liền nài với ông giám đốc cho tôi theo ra Bắc.

Ở Hanoi, hôm 21 tháng 8 1943, tôi và nhà tôi rạo các phố mua các thứ như bàn, ghế, nồi, niêu, soong, chảo rồi ngày 10 tháng 10-1943 trường bắt đầu khai giảng ở một cái trại ấp của một nhà từ thiện ở Cát Linh gần Lâm mái, với 11 trẻ em do người ta đem tới gửi và cả do tự tôi đi tìm lấy.

Ở xã hội ta, nếu gia đình nào có con em mù thì coi như một điều báo ứng và rốt kín trong buồng tối, nên sự đi tìm rất khó khăn vất vả. Nhà tôi đắt tôi lần theo các bờ ruộng gồ ghề vào các làng dò hỏi. Họ tưởng tôi về bắt để đem đi một nơi xa lạ nên có người trốn tránh. Khi nói đến dạy chữ thì họ lại càng không tin nữa vì họ chỉ thích cho con họ họa bói toán hay bá-xẩm để kiếm ăn!

Với 11 trẻ em, trường tôi bắt đầu khai giảng. Lúc đầu, dạy các trẻ mù là một điều rất khó khăn. Phần nhiều các trẻ mù được gia đình thương hại nên khó bảo và hỗn xược. Có đứa tê liệt, đi không được có đứa không biết đến và đốt quả, năm ăn nó cũng không biết là mấy ăn; nói đến trên với dưới thì nó chỉ biết trên trời với

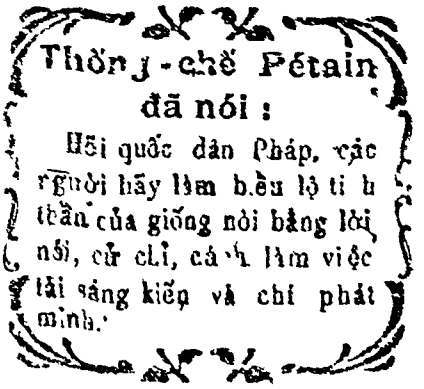

dưới đất chứ trên bàn với dưới bàn nó cũng không biết là chỗ nào, nó không biết phân biệt đằng trước với đằng sau và bên phải với bên trái! Dạy cho biết chữ theo phương pháp *Braille* phải đúng đến sờ mó mà trên, dưới không phân biệt được thì thật khó dạy quá!

Ở Cát Linh ngay giữa hồi Hanoi bị ném bom. Nhà tôi phải lôi chúng xuống hầm. Mỗi một đứa trẻ mù, có đứa tê liệt mà đắt cả để tránh bom ngay lúc bom nổ inh tai thật là một việc cơ cực! Tôi trong giờ phút nguy nan ấy đành ngồi trong nhà mà đợi chết. Cũng may các trẻ em đều không việc gì cả.

Vì nhộn nhạo nên các bố mẹ chúng đến xin cho chúng về và tôi thì về với ông bà tôi ở Phủ lý để lánh nạn. Có một trẻ không ai nhận tôi lại phải đem theo về. Tàu xe khó khăn, một mình nhà tôi dắt tôi mù với gói hành lý và ngẫm một trẻ em trên tay chen được về tới Phủ lý thật rỏ từng gọt lệ! Vì vậy trường phải tạm đóng cửa. »

Tôi đợi ông ngừng và hỏi tiếp :

— Tuổi bao giờ ông lại bắt đầu khai giảng?

— « Qua giêng tôi còn nhớ hôm đó là 12 tháng hai 1944 ở Phủ-lý lên Hanoi chúng tôi tạm ngừng ở vài nhà quen rồi các nhà từ thiện có bảo tâm gom góp và đã giúp tôi mở được trường này hôm 24 tháng 3 tây năm nay dưới quyền bảo trợ của Chính phủ. Các trẻ em khi trước lại lục tục tới và tôi lại vào các làng tìm được tất cả non ba chục em, hiện ở đây có 25 đứa còn vài đứa xin nghỉ »

Trông các trẻ con có đứa mặt mũi rất khôi ngô và đều được ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, tôi liền tò mò hỏi tới đời sinh sống của chúng ở trong trường.

— Thưa ông, về việc cơm nước của 25 em chắc bà giám đốc nhà trường trông nom.

Ông Thiện liền trả lời:

— Các em ở đây đều do nhà tôi và một người phụ bếp ngày hai buổi đem cơm tới. Chúng ăn ngủ ở đây, còn tôi ở riêng ở Quán Bún. Mỗi khi người đem cơm tới thì khi về tôi lại theo về. Ở đây tôi không đi được một mình, chứ ở Saigon thì tôi đi ở ngoài phố như thường không cần người dắt hay cầm gậy gì cả.

Về chi phí thì hết tiền tiêu tôi lại làm « bông » lấy ở các nhà từ thiện đã từng giúp từ lúc đầu về việc mở trường này. Hiện các trẻ em ở đây học được 7 tháng đã thông quốc ngữ và đọc được tiếng Pháp vào trình độ các lớp dự bị. Ngoài ra tôi lại còn dạy hát các bài ca về hai thứ tiếng để chúng giải trí ngoài giờ học. Hôm nay tôi dạy về bài thuộc lòng và về « *verbe avoir* ».

Nói đoạn, ông Thiện đứng lên quờ tay mở tủ lấy ra một cây đàn một cái đàn con, một cái bìa đỏ và một bảng con bằng sắt. Ông

(Xem tiếp trang 18).

BIA VĂN MIẾU

MƯỜI ÔNG NGHÈ TRẤU LÊ

Số 99

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa tân-vị (1511) hiệu Hồng-thuận thứ 3, đời Lê Tương-đức, lấy là ông đỗ đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ như sau này :

Tứ đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ nhất danh (trạng nguyên) :

Hoàng-nghĩa Phú người làng Mạc-xá huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn nam. Làm nhà ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. Năm 33 tuổi đỗ trạng-nguyên khoa 1511. Làm quan đến chức tham-tri chính-sự, kiêm chức đô-ngự-sử. Sau khi mất được truy phong làm Phúc-thần. Là con Trần-khắc Minh, sinh ra Hoàng-tế-Mỹ. Trần-khắc-Minh nguyên họ Hoàng nhưng là họ Trần đỗ đồng tiến sĩ khoa 1481. (Hoàng-tế Mỹ đỗ tam-giáp khoa 1538. (*Đăng-khoa lục*, q 2, tờ 9 a, và *Đăng khoa bị-khảo*, q. Sơn-nam, tờ 50a).

Đại Việt Đinh-nguyên Phật-lục (sách viết trường Bác-cổ, số A 1205, tờ 21 a và b) có kể một truyện tục truyền như sau này :

« Nguyên tiên-tổ ông Hoàng-nghĩa-Phú gồi đi lý, tìm được một huyệt ở xã Tiêu-lang, gọi là « thủy-mưu », chưa kịp chôn, thì bà mẹ họ Đặng đi ra đồng coi cấy, gặp rắn quà, bị chết rét, thế là gởi ta ở hỗ đã ấy. Tiên-tổ họ Hoàng ra xem thì đã thành năm. Cụ nói rằng : « Huyệt này gồi dành phúc cho họ Đặng, nếu ta không chọn lăng-giềng mà ở, thì ngày sau tất làm đầy tớ người ta ». Rồi dời họ là Trần, dời đến ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai, để dạy học-trò. Trong khi dạy học lại tìm được một huyệt ở dưới cây đa. Cụ bảo học-trò rằng : « Nhà học này hẹp, đợi gặt hái xong, ta sẽ làm một cái nhà học khác ở đầu xóm, các học-trò nên hết sức giúp. Bố mẹ học-trò và học-trò tranh nhau đem cho tre và rơm đa. Cụ bảo để cả dưới gốc đa. Cụ rình khi đêm vắng, châm lửa đốt đống rơm ngọn lửa cháy dữ nên cây đa bị chết khô. Đến sáng hôm sau, người làng rủ thăm, trông thì đông người, cụ giả cách tiếc, rồi thong thả nói rằng : « Bây giờ đã mất tre thì làm bằng gì, có được không ? » Người làng đều bằng lòng. Cụ nhổ hết rễ đa, rồi ngầm táng hài cốt tiên-nhân ở đấy, thành ra được đất. Sau vị hậu tập của vua triều Lý, bèn đổi là họ Trịnh, có Trịnh-thanh đỗ thứ hai khoa hành-từ năm thứ 4 hiệu Thuận-thiên (1431) làm quan đến thạm tri kỵ đô-ủy. Đến con cháu lại theo họ Hoàng ».

Tứ-đệ nhất giáp tiến sĩ cập-đệ đệ nhị danh :

Trần Bảo-Tín, người xã Khải-phong, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Năm 29 tuổi đỗ Bảng-nhãn khoa 1511. Làm quan đến tả thị lang. Đến năm 1527 Mạc Đăng Dung thí-nghịch. Ông về ẩn ở Cù sơn không chịu ra sau mất ở nhà. Đến đời trung-hưng (1533-1548) khen là trung-nghĩa, truy tặng thượng-thư gia phong phúc-thần (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 9 a, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 11 b).

Tứ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ tam danh :

Vũ duy-Chủ, người xã Tử-tế, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn nam. Năm 28 tuổi đỗ thám-hoa khoa 1511. Làm quan đến tả thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam tờ 58 a).

Lấy chín ông đỗ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân như sau này :

1. — **Bùi doãn-Hiệp**, người xã Đào-xá, huyện Phù-vân (Phù-xuyên), phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ năm 1511. Làm quan đến đô-ngự-sử. Là cháu nội Bùi Vân-phủ, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1442 sinh ra Bùi Kỉ-Tĩnh đỗ đồng tiến sĩ năm 1535 (*Đăng khoa lục*), q. 2, tờ 9 a).

2. — **Nguyễn-hữu-Tái**, người xã Tam-sơn, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn (trấn Kinh-bắc) đỗ nhị giáp khoa 1511. Làm quan đến chức đoản sự (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc tờ 34 b chép là làm đến Hộ bộ tả-thị-lang). Là con Nguyễn-Huệ, đỗ tam giáp khoa 1487 là anh Nguyễn-hữu Cương, đỗ nhị giáp khoa 1514, là cháu gọi Nguyễn-thế-Tú (đỗ nhị giáp khoa 1490) bằng chú. Là anh họ Nguyễn Hòa-Trung và Nguyễn-Tảo, cùng đỗ tam giáp khoa 1518 (*Đăng khoa lục*, q 2 tờ 9 b).

3. — **Lê-Tài**, người xã Mộ Trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương

Đỗ nhị giáp khoa 1511. Làm quan đến chức đoán-sự (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 15 b, chép là làm đến đô-cấp-sự-trung). Là em Lê-Nại, đỗ trạng nguyên khoa 1505 là chú Lê quang Bí đỗ nhị giáp khoa 1526 (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 9 b).

4. — **Nguyễn duy - Tường**, người làng Lý hải, huyện Yên-lãng, phủ Tam đái, trấn Sơn-tây, năm hai mươi bảy tuổi đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1511, nguyên khoa trước (1508) ông hai mươi bốn tuổi, đã đi thi, đỗ phụ-bảng (tức tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân) lấy làm xấu-hổ, cáo từ không nhận. Đến khoa này (1511) đỗ nhị giáp, tuy không đỗ nhất-giáp, nhưng cũng đỗ chánh-bảng thế là hơn khoa trước. Làm quan đến tham-chính.. Bấy giờ Mạc đăng Dung tiếm loạn, ông thường khởi binh để chống cự. Đến đời trung - hưng (1533 - 1548) khen thưởng tiết nghĩa Thọ hơn bảy mươi tuổi, đến lúc mất được tặng tả-thị-lang, truy phong thượng-đẳng phúc thần, lập đền thờ cúng. Sinh ra Nguyễn Hoàng-Sước, đỗ tam giáp khoa 1539, là ông nội Nguyễn-thế-Thủ, đỗ tam giáp khoa 1586, ba đời đỗ đại khoa liền nhau (tam thế liên đăng). Là tổ sáu đời của Nguyễn quang Luân, đỗ nhị giáp, đình nguyên khoa 1703 nối đời đỗ đại khoa (*Đăng khoa bị khảo* q. Sơn - tây tờ 45 a).

5. — **Mai - Bang**, người làng Đào-tai, huyện Quế dương, phủ Từ-sơn, trấn kinh-bắc. Năm 80 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1511 Làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 9 b) *Đăng khoa bị khảo*, (q Kinh-bắc tờ 13 a) chép : ông do hạng lính tuần tượng, Năm 35 tuổi đỗ. Làm quan đến hàn-lâm-viện hiệu-lý, đi đánh trận bị mất. Là anh Mai-Khuyến đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1535, là bác Mai-Công, đỗ tám giáp khoa 1558, là tụng tằng tổ Mai-trọng-Hòa. đỗ nhị-giáp khoa 1659.

6. — **Đào-khắc-Cần**, người xã Mai-đồng, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn, trấn Hải - dương. Năm 35 tuổi đỗ nhị - giáp khoa 1511. Làm quan đến Hàn - lâm *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 9 b) *Đăng khoa bị khảo* (q Hải-dương, tờ 94 b) chép: « ông người làng Hải-động và làm quan đến Hàn-lâm hiệu-thảo »

7. — **Phan - chính - Nghị**, người làng Phan-xá, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Năm 36 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1511. Làm quan đến đô-ngự-sử, được phong phúc - thần (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 9 b) *Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ an (tờ 11 b 12 a) chép ông làm quan đến đô-cấp sự-trung, không chịu Mạc, chết về việc nước. Đến đời trung - hưng (1533 - 1548) thương ông là người trung nghĩa, gia phong thượng-đẳng phúc thần lập đền thờ cúng.

8. — **Phạm - vĩnh - Toán**, người làng Hoa-xá, huyện Gia-phúc (Gia lộc), phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Năm 24 tuổi, đỗ nhị giáp khoa 1511. Làm quan đến thượng thư, tước hầu, lúc mất truy tặng quận-công (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 9 b).

9. — **Nguyễn Dục**, người xã Hội-duệ, huyện Tiên-du, phủ Từ sơn trấn Kinh bắc. Năm 36 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1511. Làm quan đến hàn-lâm hiệu-lý (*Đăng khoa bị khảo*, q Kinh-bắc, tờ 19 a).

Lấy ba mươi nhăm ông đỗ Đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân như sau này:

1. — **Trần - đoãn - Minh**, người xã Lan-khê, huyện Bình-hà (thanh-hà), phủ Nam - sách, trấn Hải-dương, Nguyên năm 24 tuổi đã đi thi, đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ năm 1508 tức minh không đỗ nhất giáp, cáo từ không nhận, đến khoa này 37 tuổi, đi thi lại đỗ tam giáp. Sau nhà Mạc cướp ngôi, ông cũng cải tiết theo Mạc, hai lần vì Mạc sang sứ Tàu cầu phong. Làm đến Hộ bộ thượng thư, tước Văn-an-hầu, *Đăng khoa bị khảo* q. Hải-dương tờ 73 a).

2 — **Lê bá Khang**, người làng Phủ-lý, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hoa. Đỗ tam giáp khoa 1511. Làm quan đến tham-chính (*Đăng-khoa bị-khảo*, q Thanh-hóa, tờ 13 b) chép là Lê-bá-Phủ (*Đăng-khoa lục* q. 2, tờ 10a chép là giòng giõi Lê-bá-Quát, đỗ Thái-học sinh đời Trần Dụ Tông (1341-1369) không rõ đỗ năm nào, không rõ người huyện, xã nào, chỉ biết là người Thanh-hoá).

3. — **Thái-Kinh**, người xã Kệ-thạch, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang, trấn Nghệ an. Nhà ở xã Độ liêu. Năm ba mươi ba tuổi, đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ khoa 1511. Trong năm canh-thìn (1520) hiệu Quang-thiệu thứ năm, thay Phạm-khiêm-Bính làm thừa-chánh-sứ trấn Thuận-hóa, dần dần thăng đến Binh-bộ tả thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, q Nghệ an, tờ 3b).

(*Xem tiếp trang 17*)

Các bài văn có quan hệ đến lịch sử cận đại

BÀI PHÚ TRUNG LỄ THẤT HỎA (1)

Lấy vần « *Một phen lả bén Côn-lôn, Đá cho tan nát, ngọc còn tốt tươi* ».

Tác giả : LÊ TRỌNG ĐỘ
(thường gọi Đầu phố Cam)

Sao lục : LÊ - THƯỜNG

1 — Bảy xóm giăng-giăng, mộ mù (mồi) ngụt-ngụt; sạch sành-sanh kẻ đói, kẻ giàu; truồi luột-luộ, nhà lim, nhà mọt.

Từ thuở Tiên Hoàng khai quốc, cơ đồ kể biết bao năm; đến nay Kiến Phúc thăng hà, binh hỏa ra rì (thế nầy) mới *một*

Hay đạo trời thịnh cố khi suy, là vận đất dầu đà đến rốt.

2 — Nguyên phủ Trung-lễ ta, mái binh-ương mặt mở, mạch cần hợi tay vin (2).

Ngất chân trời một dải Sơng phong, (3) bút xung thiên triều xuống;

Lẽo mặt đất mộ dòng Hồi Trúc, (3) nước triều thủy dâng lên.

Điện một tòa long trở hồi đầu, trời chung tú khí; ruộng nghìn mẫu cò bay thẳng cánh, đất đủ hình nghiên.

Cuộc hình thắng chẳng trau mà lịch; đồ địa dư dầu vẽ khôn nên.

Sơn tú thủy thanh cảnh đà đến tốt, địa linh nhân kiệt, phát vẫn nhiều *phen*.

3 — Văn tử trước khai hoa tiến sĩ (4) cho đến nay tuổi khoa có, cử-nhân có, tú tài có ma học-trò nhị tam trường cũng có, trong bốn khoa ngọn bút sinh hoa; Võ từ xưa trấn thủ tù, trùng (5), cho đến nay phó vệ nhiều, hiệp quản nhiều, suất đội nhiều, mà cấp bằng đôi ba đạo cũng nhiều, ngoài trăm bước, mũi tên suốt lá.

Tiếng to như quan Bố, quan Án, quan Đốc, quan Tuần (6); tước lại có ông bộ ông hưu, ông bát, ông bá Ấn-sinh, viên tự đã nhiều, giáo-đường anh-đanh cũng khá (7)

Kẻ bảo hữu thời lẫm lẫm (lúa) năm bảy gian, nhà lim đôi ba cái, đất Thanh-trì (8) ăm bốn cỗ cáo gà; nhà tầm thường thời ruộng sản chín mười mẫu, trâu cày một vài con, thành Bạch-đế tỏa một phương khói *lả* (lửa) (8).

Trong làng xóm thời bán buôn nhiều thổ; thổ bờ bạc, thổ rượu trà, lại có thổ buôn nghề thuốc phiện, nào là mẹ dòng (9) con gái, đồ chơi thú lịch sắm giăng giăng;

Ngoài đường cái thời người kéo từng đoàn (đàn) đoàn họp làng, đoàn hát-giặm, lại có đoàn trò chuyện đạo chơi, nào là chú tiếp thầy nhiều khăn xếp cuốc (guốc) cao đi rả-rả.

Thủ thua chi nội thị ngoại thành; tiếng đã khắp trên làng dưới xã.

4 — Vẫn nhiều người chơi nhởn vô cùng; Lại như kẻ lâu ăn mới *bén*.

Phường buôn bán khắp chợ Hao, (10) chợ Hiếu, phết phong lưu khăn quả quít (11) trùm đầu; Bọn xáo xạy từ chợ Tổng, chợ Quan, (12) cuộc lịch sự bàng rượu Nhe đánh chén.

Nói rằng kéo như Đồng-môn Phú việt, (13) kéo đã nên kéo; Dù cho tiếng như Đông thái Quỳnh đôi (14) tiếng không thua tiếng.

Thực chốn rằng vàng bà bạc, ai phô rằng tom (gầy) như dam (của đồng) (15); nhưng nơi nội lạc đồng đào, thực vẫn lá đông hơn kiến.

5 — Gặp hồi nay: Vận trời chưa mở, thế giặc đang ồn.

Ngoài biên cương trống Hiệt (16) vang tai, dân xao-xác trông Đường Thiên tử; Trong Kinh khuyết kèn Hồ (16) dậy đất, quan hơ-hớ Tấn hoàng *côn*.

Thương ôi! nơi cung thần lầu cao mặt đất, mặc trăng, mặc gió; Thời như ta, làng quan họ quí, cây trời, cỏ nước, cỏ non.

6 — Nhờ ơn cậu ấm, nghe tiếng nghề Ôn (17) Đấy lòng trung nghĩa, thề chí sắt son. Vin vẫy rồng mà lớn giúp uy linh, trên cổ quan Đình bảng Hạnh (18); Võ cánh phượng mà mạnh giúm thanh thế, trong trời quan Tể thương Đốn (19)

Quyết trừ những giống hôi tanh, không chịu để ác vàng chim u-cốc;

Quét sạch những nơi cỏ bụi, cho võ ràng mã ngọc ở côn *lôn*. (19)

7 — Lúc bấy giờ tích cốc đồn lương, chiêu binh mãi mã.

Thiếu gì bá Vương, thiếu gì cô quả.

Binh năm đạo tác tiền tác hậu, học đồ bát trận Khổng-minh;

Đồn trong làng xóm Mới xóm Đình, theo phép ngũ liên Tề Bá.

Nói quân dung thì áo thâm kì ăn ngại (20), cờ ngũ hành, cờ tiểu nhi thếu. Nơi binh khí thì gươm bạc khiên son, súng khai phúc súng cò máy *đá*.

Một phen hội tiễu, trống đánh vang lừng; Mấy lần tập binh, tiếng ầm dạ hả (20)

Mới nửa năm thanh thế đã to; nên một trận lỉnh thành cũng hạ (21).

Quan trước cao sang, thảng ngày thong thả.

Tương chắc anh hùng trời lộ, cậu làm nên làng được vững-bền; hay đâu Tây Tả thế cường, rậu mới khởi làng đà đốt phá!

Một tháng hãy «bất vân ông Nhạc», mưu đánh Tề cho tích lỏng trong tay; Hai hoặc còn «Vị vũ chang ấn» kế phá Sở đà thuộc lòng trong dạ.

Rồi lo mở mang, nên còn nấn-ná:

***

8 — Tắc kiến: ngày lại mơ đông mạnh (22), ngoái Côn độ (23) réo vỏ (vào).

Quân đi thượng-thượng, đạo đến vo-vo;

Tập công nó vẫn thừa cơ, chẳng đánh đánh thời được hẳn; bắt ý ta đã thất thế, cản quân quân nó (lẳng) đủng cho.

Ngoe kéo rỡn ốc, chạy trống như bò.

Am ào kẻ ngái (xa) người gần (gần) ông tra (giả) bà lão; tẻ mở làng trên xã dưới, mẹ tha con tro (so).

9. — Đại đồn thất thủ, ngọn lửa cháy ran.

Hạng phương trời cảng gió càng cao, xóm đình xóm Trữa (giữa); đa mặt đất càng nhìn càng tỏ, xóm Trại xóm Rãn (24).

Ba xóm rong, dinh ngói tường vôi, chư nhà gấy dẫn;

Mấy xóm mới, nhà tranh vách đất, như xác pháo *tan*.

10. — Chạy từ gà gáy tích tàu kênh, cho đến vò trông (chỉnh sành) nồi bát.

Lò lá (thóc) tuần tiền theo khói, không ai lựa (tôn) cái mét cái trăng (sàng); nhà nhà lẫm lẫm lên mây, nào có sót cái trông cái nát (25).

(Xem tiếp trang 15)

---

1) Làng Trung lễ thuộc xã Cổ-ngu, tổng Văn lâm, phủ Đức thọ, tỉnh Hà tĩnh. Tục gọi là Kẻ Ngù. Vì làng có nhiều người theo đảng Văn vương (1885) phản đối Chính phủ, cho nên bị đốt phá và mất thôn kiện; đến năm Thành thái 14 (1902) được khôi phục gọi là làng Đạc thiện.

2) Nơi địa thế Trung lễ phía trước ngoảnh về đông nam, phía sau là tây bắc.

3) Sơng phong là dãy núi ở phía nam, Hồi Trúc hay Trúc khê là một kênh ở phía đông đi đến giữa làng Trung-lễ thì hết.

4) Ông tiến sĩ khai khoa cho làng là Trần Trước đậu năm Hồng Đức thứ 25 (1494).

5) Cũng như chức tỉnh binh.

6) Bố chánh Lê Khanh, án sát Lê Vỹ, quản đạo Lê Tự, Tuần phủ Lê Dụ là các quan to người trong làng.

7) Con quan văn thì được ấm-sinh viên tử; con quan võ mà không đi học thì vào trường học võ gọi là anh danh giáo dưỡng.

8) Thanh trì là đất Tề, Bạch đế là đất Thục, ý nói đông đảo và thịnh vượng.

9) Chỉ người đàn bà góa chồng mà còn trẻ tuổi.

10) Tên hai chợ rất to thuộc tỉnh Nghệ-an.

11) Một thứ hàng bằng tơ có cắt hoa do người Mường dệt.

12) Hai chợ khá to, dân làng Trung lễ thường đến mua lúa thóc về làm gạo bán. Ở chợ ấy có rượu ngon người kẻ Nhe bán.

13) Hai làng ở Hà tĩnh có tiếng nghèo và hà tiện.

14) Bóng thái ở Đức thọ, Quỳnh đôi ở Quỳnh lưu, là hai làng nổi tiếng giàu sang.

15) Có câu phương ngôn: «Dù ai béo bạo như trâu, về đất kẻ Ngù cũng tóm như dom».

16) Rợ Hiệt đuổi vua Đường, giặc Hồ lấy nước Tấn, vua Tàu phải bỏ chạy. Ý nói nước mất, vua Hàm Nghi bôn bá.

17) Cậu ấm là ông Lê Ninh. Nghè ôn là ông tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, đều đảng cần vương ở Nghệ.

18) Quan Đinh nguyên Phan Đình Phùng và phó bảng ở Nghệ là Hạnh.

19) Tế tửu Nguyễn Liên và thương biện Nguyễn Đàn cũng theo nghĩa cần vương.

20) Màu xanh lục, pha vàng «Dạ hả» tiếng quân nói khi tập binh.

21) Thành Hà tĩnh bị quân cần-vương lấy, Nam triều bắc khi giới nộp vua Hàm nghi.

(22) Tức 20 tháng 10, năm ất dậu (18 5).

(23) Côn độ là một cồn đất ở phía tây bắc, làng Trung-lễ, cách làng hai cây số.

(24) Làng Trung-lễ xưa có 7 xóm là Mới trên, Mới dưới, xóm Trước, xóm Sau, xóm Trại, xóm Rãn và xóm Đình.

(25) Tròng và nat là hai đồ dùng để tát nước, tròng to và dài cán hơn nat, phải có ba cọc chống chụm lại, buộc dây mà đưa.

Một bậc danh thần đời Nguyễn sơ

Đào Duy-Từ

(1572-1634)

Số 2

Khái sinh DƯƠNG TỬ QUÂN.

Từ thừa cơ, cười ha hả rồi đáp:

— Nho có nho quân tử, nho tiểu nhân. Mà kẻ chăn trâu có kẻ là tôi tớ thực, song cũng có kẻ là anh hùng. Hiền ngu không giống nhau, thì lẽ cao thấp cũng khác nhau. Tôi thấy các ngài đây bàn luận văn thơ, tôi thích lắm, muốn được đứng nghe, tưởng các ngài cũng cho phép thế, chứ nếu tôi bắt các ngài khinh tôi thì tôi xin xuống ngay..

Các hàng tân khách nghe nói, ngạc nhiên hỏi vặn:

Thế theo ý anh bảo thế nào là nho quân-tử, nho tiểu-nhân?

Từ trầm-rải đáp:

— Nho quân-tử là người trên hiểu thiên văn, dưới tường địa lý, giữa thấu việc đời, biết đạo ngũ luân, biết cách cứu dân giúp nước, lồng lập công danh trong một thời, lưu sự nghiệp về muôn đời, khiến cho tiếng tăm sau nay lừng lẫy như là Y-Doãn nhà Thương, Thái-công nhà Chu, Vũ-hầu nhà Hán. Còn nho tiểu nhân thì chỉ biết học như vẹt, tìm từng chương, đỏ từng câu, mua danh, cầu lợi, khoe khoang câu văn ngòi bút, hợm hình cái giọng cười giang cợt gió, không còn biết ý chí Thánh hiền, đạo nghĩa vua tôi. Nếu có được xuất chính thì chỉ mưu xoay cho no vợ ấm con, không quản gì mọt dân hại nước. Lại may ra có quyền hành trong tay, được lo tính việc nước, mà nếu gặp việc khó khăn thì chỉ biết ngồi mà thở dài, lo nghĩ vẩn vòng, trí lự lờ mờ, ngây như tượng gỗ, chẳng khác gì bọn An-Bạo, Vương-Diễn ở đời nhà Tấn, Tần Cối, Giả Tự-đạo ở đời nhà Tống..

— Thế anh lại bảo thế nào là kẻ chăn trâu tôi tớ, kẻ chăn trâu anh hùng?

— Chăn trâu anh hùng như Ninh thích, Điền-Đan, (1) lúc chưa gặp thời thì phải đi chăn trâu, nhưng lúc đắc thời thì người làm hưng vượng được nước Tề, người phá đuổi được quân Yên. Lại như Hứa-Do chăn trâu ở khe núi mà biện bạch được lẽ còn mất, trị, loạn. Bách-Lý-Hề chăn dê ở kẽ hang mà tính toán được việc thịnh suy, bĩ, thái. Một thời lập nghiệp, muôn thuở thơm danh. Đó là chăn trâu anh hùng. Còn kẻ chăn trâu tôi tớ thì xuy xuy xuẩn xuẩn, sáng ngày biết dắt trâu ra đồng, chơi bời lêu lổng, tối về ăn xong, rồi ngủ ngít cho đến sáng, không còn biết đến cha mẹ, anh em, làng xóm, nước non... (2)

Chủ khách thấy Từ ứng đối rất hoạt bát, thuyết minh có phép tắc, đều phải đứng cả lên mà nói:

(*Còn nữa*)

---

1)-Ninh-thích : vừa đi chăn trâu vừa đọc sách, treo sách ở trên sừng trâu, gặp vua Tề Hoàn Công, (sinh về đời Xuân-Thu, tuy là bá chủ mà nỗn tôn phò nhà Chu) nói hết cả đạo trị nước.

Điền-Đan : tưởng nước Tề dùng mẹo đốt đít trâu cho xông vào trận phá giặc.

(2 Phỏng theo Việt-nam khai quốc chí truyện.

ĐÓN COI SỐ TỚI

Gia-định thành : Đồn Cá-trê và đồn Rạch-bàng.	của Lê Thọ Xuân
Diễm đàm về cuộc nhân duyên của các vương hậu	của Hoàng Thiếu-Sơn
Nguyễn Trung Ngạn	của Nhật-Nham
Thơ sấm	của Hi Đạm
Tỉnh-lỵ Hà nội	Trần Hàm-Tấn

Phụ lục mấy chỗ chú thích

(cần phải có mà kỳ trước quên không in)

Đào-Tá-Hán, do chân quản-giáp trong nghề hát, thăng dần lên chức linh-quan coi đội nữ-nhạc trong nội khoảng triều Lê-anh-Tôn.

Nghề vô loài. — Đời Lê trung hưng, việc thi rất nghiêm như thế *(Vũ trung tùy bút)*

Từ đành ôm bận mang lều chõng ra. — Đó là theo *Việt-nam khai quốc chí truyện*. Còn theo *Đại-nam liệt truyện tiền biên* thì nói : « Từ đi thi hương, quan trường thấy là con người đi hát, đánh hỏng mà không cho đỗ.

Chiêu văn quán — Về triều Lê, có lệ con các quan to đều là Chiêu văn quán học sĩ như kiểu ấm sinh ta bây giờ. Sách *Tang thương ngẫu lục*, ở chương Lê-Thời-Hiến, cái tên Đào Duy-Từ thường thấy chép là chiêu năm. Chiêu tức là chiêu văn quán học-sĩ, còn Năm tức là con thứ năm. Chức linh quan của thân-sinh Từ có lẽ là chức to nên con cũng gọi là chiêu cả ăng ?

Thôn Tòng châu, cách nhà quan khám lý Trần-đức Hòa ở xã Bồ đề có một con sông nhỏ.

Từ đến thôn Tòng châu. — Tại sao Từ không dừng chân ở Quảng Trị vào chầu chúa Sãi, lại đi tuột vào đây, tất độc-giả hỏi thế. Thì đây, trong *Việt-nam khai quốc chí truyện* có chép : Từ đến tận nơi dinh thự Nam chúa xem xét cẩn thận quả nhiên thấy có vượng khí, trong bụng mừng lắm. Song ngại vì chỗ đó là nơi đô hội, người ở đông đúc, khó lọng rõ được kẻ hay người dở, làm rạng rỡ tiếng tăm của mình e không được nên từ mới tìm đi nơi khác.

Lê-Thời-Hiến. Trong sách *Tang thương ngẫu lục* của Phạm đình Hổ và Nguyễn-Án ra cuối đời Lê, ở mục Lê-thời-Hiến có chép : « Quan thái úy nhà Lê, ông Lê-thời-Hiến, người làng Phú-Đào, huyện Lôi Dương, là người lêu lổng ngông cuồng, phóng túng liều lĩnh không có ai ưa, đến kinh (Hà-nội) chơi, quen với chiêu Năm. Chiêu Năm là con linh quan, cấm không được thi, nhà rất nghèo, ông Lê thường lấy trộm của người khác đem cho. Chiêu Năm hỏi của đâu, ông Lê chỉ cười không đáp. Một hôm, Chiêu Năm bảo ông Lê rằng : « Tôi nghe trong Quảng, đất hiểm mà dân phụ, chúa họ (tức chúa Nguyễn) biết tôn hiền trọng sĩ, ấy là cái nền bá vương đó. Ta lấy thuyết sang đầu : « Cao ra có thể làm được Hoàn-văn (tức Hoàn Công nước Tề) thấp ra cũng giữ được cái thế chân vạc Ý bảo thế nào ? Ông Lê thong thả rằng : chí tôi thì khác, nhưng không ngăn trở anh đâu. Bao giờ anh đi ? Chiêu năm bảo ngày mai đi và hẹn chờ ở quán Hoàng Mai. Như nhời hẹn, hôm sau ông Lê ra đi qua cửa hàng bạc đình ngang, tạt vào lấy cắp hai lang bạc rồi chạy, chạy rất nhanh, họ đuổi không kịp, đành thôi, ông đến quán Hoàng - Mai thì Chiêu Năm đã ở đó rồi, mà hành lý tuyệt không có tý gì, chỉ có vài bát gạo thôi ! ông Lê đưa bạc ra tặng Chiêu Năm cầm tay từ biệt mà rằng « chuyến này đi đường muôn dặm mà không đến nỗi chết là nhờ ơn bác đấy. Tôi xin ghi lòng tạc dạ, một mai gặp nhau đến chốn cương trường sẽ tìm cách báo ơn bác. »

Đông thanh tạp chí số 14 (1933)

KHÁI SINH

Đã có bán **ĐÊM HỘI LONG TRÌ**

lịch sử tiểu thuyết của NGUYỄN HUY TƯỞNG

— Rất hay !

— Mua ngay kẻo tiếc, in có hạn

TY XUẤT BẢN TRI TÂN

95-97 Chanceaulme — Hanoi

GIÁ 3$60

thêm cước 0$70

Học-thuyết kinh-tế

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nguyễn hải Âu mới ra quyển *Học thuyết kinh tế tiểu dẫn* (12) in vào tạp chí *Văn mới* số 44 45, trong tủ sách *Tân văn hóa*, ra ngày 25 10-1944, được 195 trang, khổ giấy 11 × 18.

Ông nói « không làm công việc của một sử gia », chỉ « trình bày học thuyết » và « để thêm một ít ý tưởng phê bình của các học giả ngày nay » (tr XII). Nhưng ông không làm được đúng như lời ông nói trong bài tựa. Ngay trang đầu (tức trang 15-16) là chương thứ nhất, nói về « quan niệm trọng nông » ông viết một đoạn như thế này : « ... Là một người trong thời đại đó (khoảng 1750 đến 1790), không cần phải học giả hay thông thái mà cũng có những tính cách tiêu biểu tương xứng với hoàn cảnh sinh hoạt vật chất đại khái như sau. Tất cả lợi tức hầu hết do sự sản xuất của nông nghiệp, người ta sẽ thấy duy có nông nghiệp là có lợi. Mọi cách cá nhân trong sự sản xuất của ngành nông sẽ cho ta cái cảm tưởng là duy có cách bóc lột thời đó, nghĩa là để tự ý mỗi người xuất sản là lợi hơn hết. Nền kinh tế nông nghiệp đã tạo nên chế độ quân chủ, và đối với chế độ đó, người ta được tin rằng trời, và lẽ tất nhiên trời bao giờ cũng sắp đặt cuộc đời theo những lệ luật không thể lay chuyển được và là những lệ luật hoàn toàn ... ». Thế là ông Nguyễn hải Âu chỉ giảng nghĩa đen mà lại thêm thắt thành ra nhầm lẫn.

Thực thế, mở tự-vị *Larousse du XXe siècle* ra xem, thấy giảng nghĩa như thế này : « Thuyết trọng nông trình bày một lý luận chung về xã-hội. Thuyết ấy viện lẽ rằng cái ở với nhau thành xã-hội, thì người ta được quyền hành dụng những cái tự mình làm ra, mà không bị ai bó buộc. Tự do, và sở hữu là những quyền tự-nhiên, luật pháp phải thừa nhận... » (La doctrine physiocratique présente une théorie générale de la société. Elle part de ce principe que, dans l'état social, l'homme a droit à ce qu'il acquiert librement par son travail. La liberté et la propriété sont des droits d'ordre naturel, que le droit positif doit consacrer...)

Lại *Grande Encyclopédie* (q.26, trang 815 - 818) cũng giảng như thế. Trọng nông có hai nghĩa : « một nghĩa hẹp, hợp với nguyên-lý, và một nghĩa rộng hơn, hợp với lịch-sử. Theo nghĩa hẹp thì thuyết trọng-nông chỉ luận về sự sản-xuất của nông-nghiệp và những kết quả của nông-nghiệp về đường kinh-tế (ông Nguyễn hải Âu cũng giảng theo nghĩa này, nhưng không được rành lắm). Lấy nghĩa rộng thì thuyết trọng-nông gồm một cái thể-hệ chung về công-pháp, chia ra kinh-tế và chính-trị. Xét ra nghĩa này mới đúng, không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu chỉ theo nghĩa trên thì phải lấy sách của các nhà trọng-nông, mà bịa ra để phân biệt, nào là những điều gì thuộc về trọng-nông và những điều không phải là trọng-nông. Nhẽ thứ hai, nếu theo nghĩa trên, thì trái hẳn với những định nghĩa mà chính những nhà trọng-nông có tiếng đã giảng về thuyết ấy... Chỉ có câu giảng nghĩa thứ hai là hợp với sách vở, tư-tưởng của các nhà trọng-nông, với vị-trí của người và tác phẩm trong lịch-sử ». (Le mot « physiocrate » a deux sens : l'un étroit et logique, l'autre historique et très large. Selon le premier sens, la doctrine physiocratique se réduit à une théorie de la production fondée sur le sol, et aux conséquences économiques qui en résultent ; d'après le second, elle comprend un système général de droit public, avec ses subdivisions afférentes à l'économie et à la politique. Il ne paraît pas douteux que ce dernier sens doive être préféré. Si l'on se contentait du premier, on serait obligé de faire, dans l'œuvre de tous les physiocrates, des distinctions artificielles entre ce qui est proprement « physiocratique » et ce qui ne l'est pas ; en second lieu, on se mettrait en contradiction formelle avec les définitions que les plus notables d'entre eux ont données de leur science. . . Seule, la seconde interprétation est en accord avec les

(Xem tiếp trang 21)

Bài phú Trung-lễ...

(Tiếp theo trang 11)

Thượng-lỉnh Đông-khê bỗng nổ (chẳng) bấy giờ mặt chuột mới ra; Thái-yên Thanh-lạng hay không, đây vốn miệng mang không tái (26).

11. — Mà ai nấy quá ngán quá đời, dở cười dở khóc. Núc đã ba hòn, nhà tre bốn cọc.

Mỗi (muốn) phải lẽ (lửa) ăn cũng như trẻ (sành), gạo phải khỏi nấu đen hơn mốc (27).

Lú đường lúc ngồi khóc trước, ngựa gỗ thiếu hoa; đồ ăn đồ dùng khác xa, mâm ngà đũa ngọc.

Cho nên bát gặm bỏ đi chơi bỏ, kẻ bọn làng cũng bán bạc phóng (vọng) thầm; hà rằng uống rượu không, đánh bạc không, bọn nghiện thuốc cũng đến thoe (xe) lăn lóc.

Cháy năm bảy lần, chi không cháy trọc!

Nỏ bỗ công, bòn mười cành đúc một trụ (đồng), đ... mẹ bỏ!

Nhưn là của, tu ba năm thiêu một giờ, mồ cha cóc!

12 — Rồi đây: sạch trừ ô uế, Rộng mở càn khôn. Khởi nghĩa trống vang, tông nao nức bốn phương, sĩ tử; cầu vương cờ mở, mây rồng nâng bằng xương môn.

Tút gươm thiêng chém giặc đương, hải ngoại lần xem ngọn sóng, kéo cờ nghĩa trừ quân đạo, thiên đường cho nhà thánh hiền.

Trước các quan « cán cổ » nhất tài, quan bình tại thời dân bình trị; trên Nhà nước « thừa cần » rỡ vẻ nước dân còn thờ, đồng-đô đài còn.

Lo chi việc ấy mà lo, kiến còn trong miệng chén; sợ mất hợi đâu mà sợ, hùm còn ở đã lo nơi.

Cháy nhà ta lại làm nhà phượng lộ rồng leo đủ thức; cháy lá (thóc) mùa lên được lỏ, trâu nằm voi mẹp từng cồn.

Vinh hoa phú quí hơn xưa, tiền khuy bạc nén; lịch-sự phong lưu hơn trước, bát bí mâm son.

13 — Tại trí: thế giặc trung-hoành nhà dân nghi-ngút. Hay đạo trời khi một lở hai bồi, mà việc người cũng năm xấu bảy tốt.

Những nghiệm thần linh báo ứng, trước bia da (28) gã đùng đùng; Hay đâu trời đặt cản thông, hôm ấy sao sa rộ rộ.

Thời như làng ta, la nhất định đốt.

Nên đừng la mang tiếng la, đừng khóc mang tiếng khóc, trời cao cũng ngoảnh cổ cố hồi; mà ai ăn cứ việc ăn, ai làm việc làm sống lỏ đã có tay chống cột.

14 — Rày nhân: mùa xuân mát mẻ, nghiêng bút thảnh thơ.

Trước xem ra xóm dưới xóm trên, một màu khô bẻo; nay đoái lại vườn xưa nhà mới, muôn cảnh tố tươi.

Nghĩ mình kinh-tế phập tài (29) có động chỉ lo đàng chạy; gặp lúc loạn ly đa sự không biết lại hay làm hơ).

Chẳng đành trong dạ, thêm thẹn với người.

Vậy nấu ăn nước chè xanh đỡ nghiện; nên làm bài phú đó đọc chơi. (30)

Tác giả: LÊ TRỌNG ĐỒNG, người làng Trung lễ

Sao lục: LÊ THƯỚC, làng Lạng-hệ (trước Trung lễ)

---

(26) *Thượng lỉnh Đông khê hai làng đồng xã; Thái yên Thanh lạng, hai làng đồng tổng có cầu phương ngôn chẳng nhà rồng mặt chuột (hết của); mang tái nát làng (điềm xấu).*

(27) *Mỗi thì gạo nấu kỉ chín vỏ đen tím.*

(28) *Da từ cây đa. Trước khi làng bị đốt phá, cây đa ở đền tự nhiên gãy mấy cành, ai cũng cho là điềm xấu.*

(29) *Nói khiêm nghĩa là không có tài giúp nước an dân.*

(30) *Phú đó tức là một bài văn làm theo điệu phú Xích-bích Tô Đông Pha.*

Xích nghĩa là đỏ

Bài phú hôm nay các văn sĩ đương thời cho làm hay có nhiều câu trạng đến nay, và nhiều đoạn là rất đúng sự thực. những người đã mục kích cai thảm tsang của dân Trung lễ lúc bấy giờ nghe đọc đều cảm động ngậm ngùi.

Nhiều quyển sách tìm

mua không còn nữa!

Tủ sách quí của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyển nay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thơ kèm tem 0 $ 16 cho:

Kiosque Thanh Tao

Vinh

vài ngày sau bạn sẽ nhận được sấp giấy đánh máy kê tên trên 200 quyển, đủ các loại (khảo-cứu, phê-bình phông sự, kịch, thơ tiểu-thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay

Mua 1 lần 30 $ 00 bạn sẽ không phải chịu tiềnước Thứ nào chẳng tìm không có sẽ cố tìm mua giùm bạn

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 70

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim-Vân Kiều *(bài nối)*

Kiều quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn Vĩnh (bản in lại năm 1920, tr. 151) chép là « Tù bà với Mã-giám-sinh, Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? » Quốc-ngữ của Alexandre de Rhodes (in năm 1943, tr. 577), phường bản của Quan-văn-đường (tờ 75 b), *Kim Vân Kiều chú* (sách viết của Trường Bác-cổ, số AB 233, q. 3, tờ 8 a), *Vương Kim diễn tự* (số sách AB 234, tờ 63 a) đều viết « Các tên tội ấy đáng tình còn sao ». Duy kinh-bản (*Đoạn trường tân thanh* của cụ Kiều-oanh-Mậu, tờ 60 b) chép : « Các tên tội, đã đáng tình còn sao ».

— Quốc ngữ cũ (tr. 151) và kinh-bản chép : « Lệnh - quan truyền xuống khai đao, Thế sao thì lại cứ sao của hình). Quốc-ngữ mới (tr. 577), phường-bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Lệnh-quan truyền xuống nội đao »

— Các bản đều viết « Sư rằng : Cũng chẳng bao lâu, Trong năm năm lại gặp nhau đó mà ». Duy quốc - ngữ mới viết là « cũng chẳng mấy lâu ». « Mấy lâu » với « bao lâu » nghĩa cũng như nhau, nhưng chữ « mấy lâu » khó đọc : theo luật thơ, thì chữ ấy là chữ vần bằng, bất-đắc-dĩ mới phải dùng chữ vần trắc ; huống-chi chữ « bao lâu » nghe đã quen, không phải cần-kỳ dùng đến chữ « mấy ».

— Quốc-ngữ và kinh bản chép « Nàng từ ân-oan rạch-ròi, Tiền oan đường đã vơi-vơi cạn lòng ». Phường bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Tiền oan đường đã vơi-vơi cạn lòng », tưởng thế phải hơn, vì đã có chữ « vơi-vơi » thì không phải chữ « cạn », Câu trên bản *Vương Kim diễn tự* viết là « Nàng từ ân oán sạch rồi », tưởng chữ « sạch rồi » phải hơn, vì câu dưới có chữ « bể » và chữ « vơi-vơi » là nói về nước, thì câu trên đặt chữ « sạch rồi » có ý hơn.

— Quốc - ngữ, phường - bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Anh-hùng tiếng đã gọi rằng, Giữa đường đã thấy bất-bằng mà tha ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Giữa đường khi thấy bất-bằng mà tha ».

— Các bản nôm đều viết « Huống chi việc cũng việc nhà, Lọ là thâm-tạ mới là tri âm. » Quốc-ngữ viết « Lựa là », nghĩa cũng thế ; nhưng chính các bản nôm viết chữ « lộ » của Tàu, tiếng nôm đọc là « lọ », chữ không phải là « lựa », vì chữ « lựa » phải viết « thủ » bằng chữ « lự ».

— Các bản đều viết « Đòi cơn gió quét mưa sa, Huyện thành đạp đổ năm tòa cỏ năm ». Duy kinh-bản chép là « hải nam ».

— Câu « Có quan tổng-đốc trọng thần, Là Hồ-tôn-Hiến kinh - luân gom tài » : chữ « tôn » ấy chính là chữ « tông » vì quốc-húy nên ta đọc là chữ « tôn ».

— Quốc - ngữ cũ (tr. 155) và *Kim Vân Kiều chú* viết là « Áo xiêm dùm bọc lấy nhau, Vào luồn ra cúi công - hầu mà chi ». Quốc-ngữ mới (tr. 601) và phường-bản viết là « buộc trói lấy nhau ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « giàng buộc lấy nhau » do câu chữ nho « y thường thủ phục », nghĩa đến là áo xiêm bó trói. Nhưng dùng ra văn thì theo kinh-bản phải hơn. Tuy vậy, câu trên dùng hai chữ « lấy nhau » thì hình như trái với câu dưới : có lẽ vì tam sao thất bản mà nhầm một chữ gì chăng, chính nghĩa là áo xiêm giàng buộc *lấy người* mới phải.

— Quốc-ngữ mới (tr. 605) viết là « Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng, E-dè gió dập hãi-hùng sóng vỗ ». Các bản nôm cũ đều viết : « E dè sóng gió, hãi-hùng cỏ hoa ». Duy kinh - bản chép « E dè sóng vỗ, hãi hùng nước sa ».

Hai bản quốc-ngữ viết là « Rằng : Ở Thánh-đế đổi-dào, Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu ». Phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép « Rằng : Trong Thánh đế đổi dào ». Duy kinh-bản chép « Rằng : Trong Thánh-trạch đổi-dào », phải hơn vì câu trên có chữ « trong » thì mới xuống chữ « ra » và chữ « vào » ở câu dưới ; câu trên có chữ « trạch » thì mới xuống được chữ « tưới », « thấm » và « sâu ».

— Các bản đều viết : « Sao bằng lộc trọng, quyền cao, Công danh ai dứt lối nào cho qua ? » Quốc-ngữ mới (tr. 607) viết là « lối vào » thì không phải.

— Hai bản quốc-ngữ và phường-bản chép là « Quan quân truy sát ruổi dài, Ầm-ầm sát-khí ngất trời ai đang ». Kinh - bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Quan quân thừa thế ruổi dài, Ầm ầm sát khí ngất trời ai đang » : câu ấy phải hơn, tuy hai bên cũng là chữ, nhưng chữ « thừa thế » nghe quen tai hơn chữ « truy sát » và khỏi trùng với chữ « sát-khí » ở câu dưới.

— Quốc-ngữ cũ (tr. 158) viết là « Dòng thu như chảy mạch sầu. Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên ». Quốc-ngữ mới (tr. 614), phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* viết là « Dòng thu như rỏ ngọc sầu

sầu ». Kinh - bản và *Vương Kim diễn tự* viết là « Dòng thu như gội (gội) cơn sầu».

— Các bản đều viết « Quan quân kỏ lại người qua, Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần ». Duy kinh - bản chép là « dắt ra dần dần », nghe không bằng chữ « vực ».

— Câu dưới, các bản đều viết « Đem vào đến trước trung-quân, Hồn-ông thấy mặt, ân-cần hỏi han». Kinh-bản chép là « Dẫn vào đến trước trung-quân », vì câu trên chữ « dắt », nên câu dưới phải dùng chữ « dẫn » : thế là Thúy - Kiều bấy còn đi được. Các bản cũ chép trên chữ « vực », nên câu dưới viết chữ « lôi », cho là Thúy Kiều thương - cảm quá, không đi nổi, cố ý phải bón.

— Các bản đều viết « Rằng : Nàng chút phận hồng - nhan, Gặp cơn binh - cách nhiều nỗi nàn cũng thương ». Lối chữ nôm thì chữ « nhiều » viết « nghiêu » bằng chữ « đa », chữ « nghèo » viết « nghiện » bằng chữ « nguy »; cũng có khi viết chữ « nguy » không, mà đọc nôm, vẫn phải đọc là « nghèo », *Vương Kim diễn tự* viết là « nghèo nàn cũng thương »: chắc là ai cũng cho chữ « nghèo » ấy viết nhầm, bởi chữ « nhiều », chữ « nghèo » giống nhau. Nhưng chữ « nghèo nàn » đối với chữ « binh-cách » cân hơn.

— Câu « Đã hay thành - toán thiếu-đường. Giúp công cũng có lời lời nàng mới nên », phường bản và *Kim Vân Kiều chú* viết là « chấp công », nhưng đọc nôm vẫn phải đọc là « giúp », cũng như chữ « nguy » mà phải đọc là « nghèo » vừa nói ở câu trên. Quốc-ngữ mới (tr. 616) viết là « chấp công » thì câu nè quá. Kinh - bản và *Vương Kim diễn tự* viết là chữ « giúp » : « chấp » trên, « trợ » dưới.

Những ông nghè...

(*Tiếp theo trang 9*)

Trần Bích-Hoành người xã Điền Khê, huyện Duy-tiên, phủ Lý nhân, trấn Sơn nam. Năm bốn mươi hai tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1511. Làm quan đến giám sát ngự-sử (*Đăng-khoa lục*, q. 2 tờ 10 a). *Đăng-khoa bị-khảo*, quyển Sơn-nam, chép là **Trần-Hoành-Bích**

Ngô Sĩ Kiện, người xã Cổ-đền, huyện Tiên Đàm (Thanh-trì), phủ Thường tín, trấn Sơn-nam. Đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1511. Làm quan đến hiến sát-sứ (*Đăng-khoa bị khảo* q Sơn-nam, tờ 6a).

6. — **Đào-xuân-Vi** người xã Lạc thực, huyện Thanh lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1511. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng-khoa bị-khảo*, q Hải-dương, tờ 62b).

7. — **Dương-Khải** người huyện Vũ-ninh (Vũ giang), không rõ xã nào. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1511. Trong đời Quang-thiệu (1516-1526) làm quan đến chức coi việc bàn lâm. Lúc bấy giờ Mạc đăng Dung lộng quyền, bắt ép vua Chiêu tông vào Thanh-hoa. Ông cùng ông Đàm Hậu-Huy và Bùi công khởi nghĩa không chịu theo Mạc Sau bị Mạc đăng Dung bắt đưa vào Thanh hoa. Vua Chiêu tông cho làm thừa chánh-sứ Quảng nam, mất tại đó (*Đăng-khoa bị khảo* q Kinh-bắc, tờ 7b).

8. — **Đàm Xâm**, người xã Sa-hộ huyện Yên Lãng phủ Phú-bình, trấn Thái nguyên Nguyên quan ở huyện Đông Lý. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1511. Làm quan đến thượng-thư, lĩnh chức thừa-chánh sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Thái nguyên, tờ 99 b).

9. — **Nguyễn Xác**, người xã Quán-nhi, huyện Gia thuỷ, phủ Thiên-trường, trấn Sơn-nam. Năm 27 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1511. Làm quan đến tự khanh (*Đăng khoa bị khảo* q Sơn nam tờ 84 a).

10. — **Kiều-văn Bá**, người xã Nam-nguyễn, huyện Phù Ninh phủ Quảng-oai, trấn Sơn tây. Năm ba mươi ba tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1511 Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng Khoa bị khảo*, q. Sơn tây tờ 63b *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 10 b) chép ông người xã Đông sàng.

11 — **Nguyễn - Quang**, Người xã Lũng sơn, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh bắc Năm ba mươi bảy tuổi thi đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ khoa 1511. Sau thi lại đỗ đồng-cát (không chép thi năm nào). Làm quan đến thượng thư (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 10 b và *Đăng khoa bị khảo*, q Kinh bắc tờ 19 a).

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

— Quốc-ngữ mới (tr. 619) và phường bản chép là « Nàm tam trại bỗng ngang-tàng. Dẫn nhau đi bỏ chiếc-trăng như không ». Quốc-ngữ cũ (tr. 159) chép là « Dẫn thân ». Kinh - bản chép « Thoắt đem mình bỏ chiếc - trăng như không » phải hơn, vì câu trên « Ai ngờ một phút tan-tành tơ hồng » có chữ « phút », thì câu dưới dùng chữ « thoắt » mới phải lối làm văn.

— Quốc - ngữ cũ (tr. 160), phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Bất nàng mình yếu dưới màn, Gỏ sau lại bắt vượt đàn nhặt tâu ». *Vương Kim diễn tự* và kinh bản chép là « Gỏ sau lại ép vận đàn nhặt tâu » : chữ « vận » này viết nôm thì viết chữ « vận » là

(*Xem tiếp trang 20*)

Ông Ng-chí-Thiện.

(Tiếp theo trang 7)

tuồn bìa vào giữa bảng rồi bảo tôi đọc một câu để ông viết theo lối Braille, nghĩa là cần dùi mà đánh dấu chấm xuống bìa để ra những ô đục trong mộ miếng sắt, mỗi ô là một chữ; rồi ông gọi một em nhỏ lên đọc: «*Chúng ta phải yêu đồng bào*» quả đúng như câu tôi đã đọc cho ông Thiện viết.

Rồi một em khác lên đọc bài tập đọc bằng tiếng Pháp sờ tay vào một cuốn vở có bản chữ nổi và đánh gần từng chữ lanh lẹn như các học trò thường.

Cầm chiếc đàn ông liền bảo các học trò:

— Các em hát để ông khách nghe.

Ông Thiện và các em đều đứng dậy. Tôi cũng đứng lên theo. Ông tay đánh đàn và hát với lũ trẻ bài Marseilaise pháp và bài *Quốc ca đăng đàn*:

« Bên rừi sông hùng ở trời Nam,
Đã muôn đời kết anh hùng chưa hề tan.
Vì đâu máu ai ghê ngàn thủa
Còn tỏ tường bên núi sông
Gió sương không mờ.
Hồn thiêng còn đó;
Giục giã ta quên mình
Vì nước non chung thành
Dù phải vượt qua khói lửa
Xác thân tan tành
Lòng chung bền vững
Cùng bước theo anh hùng
Nhìn nước non tưng bừng
Chúng ta thường ước ao rằng:
Dân Việt Nam anh dũng muôn ngàn năm.»

Những lời hát thiết tha ấy thốt ra từ miệng lũ trẻ không còn được thấy non sông cây cỏ là gì, lại khiến tôi càng thêm ngậm ngùi cho chúng phải sống trong đêm tối của muôn ngày!

Dứt tiếng hát, tôi liền cả ngợi các em bé bằng những lời êm dịu và quay lại bảo ông Thiện:

— Ngoài việc dạy các trẻ em biết đọc và biết hát, ông còn mục đích gì khác chăng?

Như được dịp để dãi bày tâm sự, người tôi hỏi liền sốt sắng trả lời:

— Tôi chủ ý dạy cho chúng biết đọc như mọi người để đời chúng thêm tươi sáng và rồi sau lại đi dạy các người mù khác. Ít nữa nhớn lên tôi sẽ cho chúng học nghề như làm bàn chải, đan ghế, làm các tiểu công nghệ, học hát và đàn để đánh ở các khách sạn, ở các đám tiệc hay thổi các bài kèn đám ma đi theo sau các xe tang. Như thế chúng có thể kiếm ăn tự lập được. Điều tối kỵ nhất là tôi không bao giờ khuyến khích làm nghề bói toán vì như thế sẽ leo rắc các điều mê tín mù dã ăn hại xã hội lại còn làm hại xã hội bằng việc làm mê hoặc lòng người nữa sao!

Những người mù nhớn lên rồi cũng theo luật thiên nhiên mà lập gia đình. Nếu họ trí tuệ thông minh thì tất lẽ con họ sẽ thông minh và sẽ không mù nữa. Trong đám người ấy biết đâu không có những bậc anh tài ích cho quốc gia xã hội. Đó chính là cái mục đích cao xa của trường mù mà tôi vẫn hằng theo đuổi.

Theo bản thống kê của nhà thương đau mắt thì ở nước ta có hàng mấy chục nghìn người mù. Nếu họ sống trong đốt nát thì con cái họ còn có ích gì cho xã hội. Đối với người mù cũng như đối với người sáng cần phải chống nạn thất học.

Ông Thiện ngừng nói một vài giây để lấy giọng rồi tiếp luôn một đoạn dài:

— « Tôi ước mong sẽ có thể lập riêng *một thế giới người mù* có đủ già, trẻ, nhớn, bé, mỗi người có một công việc riêng và có người trông nom nuôi nấng một cách chu đáo!

Trong thế giới đó, các trẻ sơ sinh mù ngay từ khi mới ra đời sẽ được săn sóc như các trẻ của mọi gia đình. Lớn lên chúng được dạy dỗ vừa về chữ vừa về nghề để làm việc cho thế-giới mù của chúng.

Những con người mù sẽ do thế giới mù cấp dưỡng rồi học ở xã hội các nghề nghiệp như người thường. Họ sẽ trở nên các ông thầy thuốc, các ông khám bệnh hay các giáo sư về toán học về triết-lý. Họ sẽ đem cái tài năng và các sở trường của họ mà dạy dỗ cho con người mù khác vì chỉ có những con người mù mới có tâm huyết với người mù!

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

Trong thế giới mù sẽ có riêng một ban âm nhạc đầy đủ các thứ, để người mù « trông nghe » để dự các cuộc vui, buồn, và để kiếm tiền ở ngoài.

Số tiền bán các thủ công do người mù làm và các món do người của thế giới mù kiếm ra sẽ dùng cấp dưỡng các người mù, mở trường học, lập nhà thương, nhà hát như ở thế giới của người sáng. »

Biết cái mộng tưởng của ông hiện thời khó thành sự thực, tôi không dám nói ra sợ làm nản lòng một người mà tôi trìu mến vì cảnh ngộ, sợ làm giảm bớt lòng nhiệt thành của một người đã hy mục tật nguyền sốt sắng với các việc ích công, tôi liền bước tới câu hỏi chót trước khi từ giã :

— Ngoài ra, ông có điều gì mong ước nữa không để tôi huật lại với các bậc trí-thức trong nước ?

Với một dọng trịch trọng và nét mặt nghiêm lại, người, coi phỏng vấn thiết tha yêu cầu :

— « Tôi rất mong hết thảy các đồng bào, các báo chí cùng các hội thiện ở đây nghĩ tới những trẻ mù mà quyên giúp để có đủ tiền mua một thửa đất, dựng một ngôi trường rộng rộng rãi cho nhiều trẻ ốm mù tới học.

Chế này đây mượn tạm của hội, những khi hội dùng đến phải ngoi. Như hôm rằm tháng bảy vừa rồi hội có rong hai ngày, hai mươi nhăm trẻ em và tôi phải lang thang nhờ hết quán này đến nhà nọ rất là bậu rạc, trời nắng còn tạm được, trời mưa thật cơ cực! »

Tôi cáo từ xin cô ông Tiện liền quay lại bảo các trẻ em mù:

— Các em hát bài « Từ biệt » để tiễn chào ông khách.

Hai mươi nhăm trẻ em nhiều đồng thanh hát bài Cổ bản điệu Huế của Hướng Đạo :

« Mây, gió mây tan hợp
Ta chớ lo gì cái cuộc phân ly
Còn trời còn non sông
Còn người còn đoàn viên
Ta nắm tay từ biệt
Dù có ra về,
Nhưng lòng dặn lòng, dặn lòng đừng quên,
Quên lời tuyên thệ
Quên nghĩa làm người ».

Tôi cảm ơn cái nhã ý của ông giám đốc trường mù và được khi ra về tôi đã từng cảm động

— Tôi xin theo như lời hát trong bài Từ biệt mà « *dù có ra về, nhưng lòng dặn lòng đừng quên* » cùng gặp gỡ buổi này và bao giờ cũng nhớ tới các trẻ em để mong cho đời các em thêm tươi sáng.

***

Bước chân ra khỏi trường mù ô, rất lấy làm bùi ngùi cảm động đã được gặp một bậc thiếu niên tâm huyết rất sốt sắng với việc ích công, chẳng may vì số phận tầm thường phải sống ẩn thân trong màn tối ngàn năm, và hình ảnh của lũ trẻ sầu xố kia vẫn như lẩng theo rồi bóng tối trên bước đường về

PHẠM MẠNH-PHAN

Hộp thư

Ô. Trần Gia Đông hỏi : Đến hết Décembre 1944, còn thiếu 11$ (6 tháng) xin nhớ gửi cho. Cảm ơn

Ô. Ng. đông-Chí — HaTinh. Báo của ông đến Janv 1945 hết hạn Việt-Nam văn hóa sử yếu 9 à 12$ gửi tiền nhà in Xiêm Thu 214 Hàng Bông Hanoi. Đã gửi báo thiếu.

Trị sự

Đã có bán :

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

Sách dày trên 400 trang, khổ rộng, in toàn trên giấy trắng (blanc ai') Giá 16$00

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC

của MẬT THỂ (giáo sư trường Sơ Môn Phật học Huế) — Tựa của TRẦN - VĂN - GIÁP (trường Viễn Đông bác cổ-Hanoi) — Sách dày 300 trang in trên giấy trắng Giá 11$50

Cùng một lượt đã phát hành : **NGHÌN LẺ MỘT NGÀY** (Một quyển trọn bộ)

Bản dịch của MAI KHÁNH Giá 5$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

KHÁNH THÀNH THƯ-VIỆN CỦA HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC-NGỮ TẠI KHU KHƯƠNG-THƯỢNG

Khu trường Khương thượng của Hội T. B. Q. N. thuộc đại-lý Hà nội, mở thư viện ở đình làng, để học trò của Hội có nơi đọc bài tới học thêm.

Sáng chủ nhật (15-10-1944) vừa rồi là lễ khánh-thành. Đã đầu ước đuốc có đoàn Hướng đạo Phượng-hội dự, khúc *Nghênh Hoàng* của ban âm nhạc Khương-thượng và các khúc âm-nhạc của ban Bình minh giúp vui.

Quan đại lý Hà-nội là ông Valeani làm chủ tọa, quan tổng-đốc trí-sĩ Phan-văn Đạt, quan Bố-chính đại lý Đặng-vũ Niết, quan Tư-pháp đại-lý Vũ bối-Tấn và các quan chức tây nam ở Hà nội và đại-lý đến dự đông lắm.

Ông hội trưởng đọc diễn văn bằng tiếng pháp và tiếng ta để tạ ơn các quan khách và ủy ban tổ-chức trình bày công việc mở thư-viện.

Đọc xong thì ông giám-đốc khu Khương-thượng cầm lẵng hoa đem biếu quan đại-lý, quan đại lý tặng lại hội. (Lẵng hoa này nguyên của ông Nguyễn-khắc Dỹ tặng Hội). Hội đem bán đấu giá lấy tiền mua thêm sách vở và sửa chữa bàn ghế cho được đẹp đẽ. Đấu giá lối mỹ thì dụ người thứ nhất đặt giá 10$00, giá tồn ngay người thứ hai giả 15$00 thì chỉ phải giả có 5$ hôi. Mỗi người giả cao nấi lên đều khi vào không ai giả hơn nữa, thì người giả giá cuối cùng được mua, như thế là những người giả tiền trước đến mất mà không được bằng, người giả sau cùng được bằng mà chỉ phải giả số tiền hơn người trước mà thôi. Lẵng hoa ấy đấu giá lên đến 1115$ Một người cô danh xuất ra hơn năm trăm đồng để nặc danh trong khi đấu giá, sau người ấy mua được lẵng hoa lại biếu quan Đại-lý. Quan Đại-lý nhận hoa rồi cùng các quan khách vào xem thư-viện.

Trong lễ khánh-thành có cuộc bình văn thơ của ông Nguyễn-Tô đọc bản kịch thơ của ông làm ra, nói về lịch-sử Nguyễn-Trãi và thị-Lộ. Ông thượng-văn Nguyễn-văn-Bân đọc ba bài thơ nôm theo đường luật như sau này:

Muốn nay khai hóa giống Tiên Rồng;
Quốc-ngữ là môn kíp phổ thông
Đạo học mông-mênh nhường nước bể;
Nghĩa thầy ghi tạc với non sông.
Sóng cuồn cuộn chảy thông tam giới,
Đuốc rõ-ràng soi khắp tứ tung.
Dân Việt từ đây mau tiến bước;
Công lao Truyền-Bá thực không cùng...

***

Cờ-quan Truyền-Bá những trông mong...
Thư-viện cho người đọc sách chung,
Mở quyển thấy ngay lời gấm vóc;
Xem tin hiểu rõ chuyện tây đông.
Ích nhận thần trí khó vô tận,
Mạnh nước khôn dân vẫn bất cùng.
Công cuộc lớn lao vì Xã-hội;
Những mong khai hóa giống Tiên Rồng.

***

Dân làng Khương Thượng mấy năm nay;
Đã cải lương nhiều việc mới hay.
Quán chợ nhà sinh đều rộng mở;
Học trường viện sách tiếp cao xây.
Từ xưa vốn đã gần thanh giáo,
Gặp hội càng thêm rạng mặt mày.
Với nước, việc làng là cội gốc;
Gần xa soi tỏ tấm gương này...

Tài liệu đính chính...

(Tiếp theo trang 17)

« rồi », nghĩa là tay vặn dao. Quốc-ngữ mới (tr. 621) chép là « vận dao » thì nhầm. Nếu chữ « vận » ấy mà gọi là khúc dao, cung dao, thì viết chữ « vận » là vần.

— Đến câu dưới, các bản đều viết « Một cung gió thảm mưa sầu, Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay ». Kinh-bản và quốc-ngữ mới chép là « Một cung gió tủi mưa sầu ».

— Quốc-ngữ cũ (tr. 160), phường-bản và *Kim Vân Kiều-chú* chép là « Nghe càng đắm, ngắm càng say, Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình ». Quốc-ngữ mới (tr. 623) chép là « Nghe càng đắm, đắm càng say ». Kinh-bản chép « Càng nghe, càng đắm, càng say, Dầu cho mặt sắt cũng ngây vì tình », lời văn tự nhiên hơn các bản kia.

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Học - thuyết kinh - tế

(*Tiếp theo trang 14*)

textes, avec la pensée qui les a inspirés, avec l'histoire dans laquelle les hommes et les œuvres ont leur place).

Xem như thế, thì ngay trang đầu ông Nguyễn hải Âu đã giảng nhầm và hụt nghĩa. Giá ông cứ lấy chữ tây ra dịch, có lẽ còn rõ hơn. Chính tại ông muốn bác chế-độ nọ chế độ kia, nên mới sai lạc đến thế.

Cả tên sách đặt là *tiểu dẫn* cũng nhầm. « Tiểu-dẫn » là « lời dẫn qua ở đầu sách » (*Việt Nam tự điển*, tr. 523), « lời tựa ngắn ở đầu sách, préface » (Đào-duy-Anh, *Hán-Việt từ-điển*, q. ba, tr. 279): sao lại để vào bìa sách?

Đấy là mới nói tên sách và hai trang đầu, nếu lấy từng trang ra mà chữa, thì còn phải viết dài lắm. Có một điều lạ, là có những niên-hiệu và những con số, cứ việc chép ở sách tây ra, mà ông Nguyễn hải Âu cũng chép sai! Như ở trang 26 ông nói: « Adam Smith có tiếng tăm trong phái học giả về kinh tế học vào khoảng 1756-1790... »: chính là 1776, vì năm ấy Adam Smith mới xuất-bản quyển « Tài-sản các nước » (*The Wealth of Nations*) là quyển làm ông nổi tiếng đến ngày nay (xem *Les grands économistes* của Xavier Trency, tr. 98; *La Grande Encyclopédie*, q. 30 tr. 110 v. v)

Trang 46, ông Nguyễn hải Âu nói về luật dân số, có câu « viết hai cấp số — song song với nhau trong một thời gian là 200 năm », đến hàng dưới viết con số làm tỷ-dụ thì lại viết nhầm chữ 256 làm chữ 156! v. v...

Nói tóm lại, ông Âu giảng nghĩa học-thuyết đã không rõ, mà xếp đặt lại không có thứ-tự thường nhầm lẫn thiếu sót vào những điều chính, thành ra quyển sách của ông không giúp ích gì được mấy. Những sách chuyên môn như thế, nên để tâm viết cho rõ ràng và kỹ-lưỡng, xếp đặt cho có lần lượt mà tránh hết những lời công-kích chế-độ này chế-độ kia, thì những người không biết chữ tây xem đến mới được bổ ích.

Ung-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

TẠM CẢM

(*Tiếp theo trang 3*)

Các bạn có cảm tưởng thế nào sau khi đã coi trọn một vở kịch dịch theo tây ấy?

Thế mới biết ta nên tùy từng trường hợp mà thâu thái lấy cái hay cái tốt của ngoại-lai, chứ đừng manh tòng nhất nhất rập theo từng nước bước của người khác.

Tôi không « cực đoan », nhưng không bao giờ tán-dương cái lối đua đòi: gọt cam hất dao ngược lại!

Tôi không « hẹp hòi », nhưng cực lực phản đối những lý-luận « không hợp thổ ngơi. »

HOA BẰNG

Giới thiệu

1) *Đời đoàn thể của Hải Tùng Tam Hữu xuất bản giá 2$.*

2) Le culte des immortels *của Nguyễn văn Huyên không đề giá.*

3) *Đồng vọng tập I, II, III, tập bài hát về thanh niên và lịch sử của Hoàng Quý. Bìa 2 màu của nhà xuất bản Lửa Hồng giá 2$50.*

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc.

Tri Tân

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại trú Y sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng thẩm Huế 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiêu nhân lống An-Tư công-chúa
cu Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 14

Vị lão tướng anh hùng Lê Phụ-Trần người đã cứu vua Trần Thái-Tôn khi trước, bậc tráng sĩ của hai trận, cũng có mặt bên trướng Quốc-công làm cố vấn cho quan quân. Lê không những là một người tinh giỏi, lại đã nhiều lần sáng sự cao kiến tinh tình triều-đình và quân Nguyên hơn cả mọi người. Nhưng không phải chỉ giữ vai tham mưu thụ động, Lê vẫn hăng hái ra sự trường trên giường can đảm cho đàn trẻ, cả vào mặt Quốc-công trong buổi quân sĩ, làm kinh ngạc mọi người vì sức khỏe tuyệt luân và niềm dõi với một ông già ngoài sáu tuổi.

Vị lão anh hùng ấy còn được cái vinh dự là thuộc vào một trong bốn hổ tướng khỏe nhất nước Nam, vì chỉ có Lê Phụ, Bảo-nghĩa vương Trần Bình-Trọng, Nguyễn-Khoái và Phạm-Ngũ Lão, là địch được viên tướng kiêu dũng Ô Mã-Nhi.

Bà người sau không có mặt ở đây. Họ vâng mệnh Quốc-công cầm cự với Thoát-Hoan trên biên giang. Bảo-nghĩa vương quả đã không làm nhỡ việc của Quốc-công: Quan quân đã lề tự ở Vạn-kiếp từ nửa tháng nay, chưa dốn lại được tình thế, vậy mà Thoát-Hoan vẫn còn lần trần trên mặt Bắc, tiến quân rất chậm, cũng vì thế mà Quốc-công đã một lần bảo các tướng:

—Không có Bảo-nghĩa vương, ta đến bỏ tay mất!

Người ta nhận thấy những việc khó khăn nhất trong quân, Quốc-công thường giao phó cho Bảo-nghĩa, mỗi khi cử Bảo-nghĩa làm việc gì quan trọng đến đâu Quốc-công cũng vẫn cứ là không có điều gì sợ suất. Cho nên Hưng đạo hay nhắc đến Bảo-nghĩa vương, thậm chí Bình-Trọng không có mặt ở Vạn-kiếp mà tưởng tượng như là có mặt.

Nhiều tướng khác cũng vậy, tuy ở xa mà vẫn phảng phất sống bên mọi người, vì là chủ động những giai thoại trong quân mà tướng sĩ thường đem ra bình luận. Họ hay nhắc đến dáng lược của Chiêu-văn vương một ngựa bình mãn tuyến xông tiến ra ngoài cảnh tăng thượng khí khái của lão bán than ở bến Bình-Than, nay đã là phó cô tướng quân Nhân-huệ vương, trấn thủ Vân đồn, uy dậy miền bể, rồi đến người Tàu định mia mai vương: « Vân đồn kẻ khuyển dệc giai kinh » thì đối với người Nam lại là một nhời khen, quân sĩ đọc lại lấy làm khoái trí. Người ta còn mến Nhân-huệ vương vì đã cực lực chủ chiến, tán thành ý kiến của Hưng-đạo vương, tình thế non sông biết đâu lại không so ý khác, và quân Nguyên không làm chủ được Nam rồi? Họ còn truyền tụng cả cái cử chỉ của chàng trai đan sọt làng Ứng, mải tính công việc mà gươm giáo đâm thủng đầu gối cũng không hay... Những giai thoại về những tướng mà họ thường gặp và cũng đang lo cứu nước như họ, có một ảnh hưởng rất lớn và bổ ích cho tinh thần tướng sĩ, và càng tăng lòng tin tưởng về tương lai.

Những người có cảm tình nhất với Chiêu-thành vương là Hoài-văn hầu Trần Quốc Toản. Khi vương mới đến Vạn kiếp, hầu vâng mệnh Quốc công đi do thám tình hình giặc, mãi đến mồng hai Tết mới về. Vương vẫn mộ danh hầu, nhưng chưa gặp bao giờ, vì hầu ít tuổi, không mấy khi đến thành, có một dịp để gặp hầu là ngày hội nghị Diên-hồng thì khi ấy vương lại không thèm để ý đến người con nít mà vua không dự bàn. Vậy mà người con nít ấy, đã nhô ra khỏi bóng tối, đi từ vinh quang ấy đến vinh quang khác, và những thủ đoạn anh hùng đã làm cho triều đình kinh ngạc, quân giặc khiếp đảm, và gây được cảm tình của quân đội và quốc dân. Danh hầu đã lừng lẫy khắp nơi, người ta thường lấy hầu làm gương cho con cháu: « Bảng nhỡn mày, Hoài-văn hầu đã đánh bao nhiêu trận, lập bao nhiêu công... » Trẻ con thường vểnh tai ngồi kể chuyện hầu, từ

việc bớp cam cho đến việc chiêu quân mãi mã thêu lá cờ đề sáu chữ : « Phá cường địch, báo hoàng ân ». Người con nít ấy với 600 quân và một lòng tác bạo đã trông đối trọi với cả một đạo binh của Thoát Hoan và đã suýt lấy được đầu Trần-Nam vương. Kỳ dị phải là sau bao nhiêu trận dữ dội, 600 quân ấy không một người nào bị thương hay thất lạc, người con nít ấy, tuổi nhất trong quân đội cũng lạ lùng thay, là người được dân gian nói đến nhiều phải sau Quốc-công Hưng-đạo.

Chiêu-thành vương đã đến cùng Hoài-văn hầu với tất cả lòng ngưỡng phục, có lần chiêu đi đem muốn. Vương khảo kỉ-xảo công dụng và rất mến mộ tiếng. Hầu hiếp vương trong trại riêng. Vương đã được nhìn thấy lá cờ sáu cửu từng danh trong dân gian đả rõ 600 quân đã trông thấy chính mắt mình người con nít kỳ dị. Đã ngưỡng phục, vương lại càng ngưỡng phục. Hầu cao dong dỏng lơi gầy, thân thể chưa hoàn toàn nở hết, da trắng mỏi đỏ, mắt sáng loáng như gương, trông mạo có vẻ dân bà hơn là chiến-sĩ. Vương bỗng thấy quyến luyến hầu như một người con trai đối với một người con gái. Và vương hoi tủi : Dũng đã không bằng hầu, mà vương còn rấu-rị và già hơn biết bao! Có thể tự an ủi rằng chẳng chỉ còn có An-Tư, nhưng An-Tư ở đây cũng tỉnh như phai nhạt. Tuy vậy cái tủi của Chiêu-thành vương chỉ trong giây phút rồi tiêu tan ngay. Hoài-Văn hầu rất nồng nở, rất nhạy thế.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ Nam-kỳ đã thành-lập

Quan Tổng đốc Nam-kỳ đã chuẩn nhận điều-lệ của Hội T.B.Q.N. Nam-kỳ

Ngày 23 có họp ban Tri-sự lâm-thời đã cử ông :

ô. ô. Michel Văn-Vĩ Chánh Hội-trưởng
Ng.-văn Liễn Phó Hội-trưởng
Đoàn Quang Tấn. —
Lý tính-Khuôn. Tổng thơ ký
Nguyễn bản Hòa Phó thơ ký
Vương văn Lê —
Trần kim Quân. Chánh Thủ-quỹ
A. Lê-công Đảm. Phó thủ quỹ
Đỗ ngọc Quang Kiểm soát viên
Nguyễn văn Đàn —
Bác sĩ Ng.-văn Thoại Cố-vấn
Bác sĩ Trần văn Đôn
Hồ đắc Thăng
Nguyễn văn Chí
Hội quán ở đường Chasseloup Laubat, số 191 (SAIGON)

(Thông cáo Hội T.B.Q.N. Nam-kỳ)

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHÚ NHO HỌC LÁY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả bình sinh sở đắng về chữ nho, lại sau bao nhiêu năm xem sách, nghiên ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo, mực, cội gốc thức nhất định về sự học chữ nho, nên gom góp đủ nào bộ sách nầy, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được.

Toàn bộ 2 quyển — giá 1$00 cước 0$45
(*không gửi lĩnh hóa giao ngân*) *để cho :*
hiệu sách Đông Tây, 195,
phố hàng Bông — HANOI

Mua buôn, trừ 20.% — cước phí về phần nhà xuất bản chịu

Đã có bán :

HẦU THÁNH

Phóng-sự liên-thuyết
của Lãng Chương Giá 4$00

Trong cuốn Hầu thánh các bạn sẽ thấy những chuyện thực, rất rõ-rõ, rất éo-le, rất tức-cười, lắm khi bạn giờ các bạn ngỡ rằng nó có thể xảy ra ở Thăng-Long, là nơi nghìn năm văn-vật!

HOÀI THÁNH PHẬT-GIÁO

Của Vũ-Trọng-Can Giá 3$00

Bằng một lời văn giản dị, dễ hiểu, Vũ-Trọng-Can giảng cái tôn giáo huyền của đức Thích-Ca. Đó là một nền tôn giáo khiến người ta thoát tục, và nâng hồn ta lên cõi thanh khiết, cao siêu.

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC
No 9 Rue Takou Hanoi

25-10-44 có bán

PHƯƠNG TÂY CỔ SỬ'

của Nguyễn đức Quỳnh

Giá 6$00

Quyển thứ VI trong bộ lịch sử thế giới.

Mua một cuốn gửi thêm 0.50 cước bảo đảm về trước, không bán lĩnh hóa giao ngân.

Hàn thuyên 71 Tiên tsin HANOI

Sắp phát hành

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT phe II

(500 trang, 20.000 chữ Hán)

TRIẾT - HỌC TẠP - BÚT

Gần rất ít

THƠ MÂY NGÀN	7$00
DU THUYẾT	3.80
VIỆT HOA THÔNG SỬ SƯ	5.00
TÂN HIẾU KINH (có Hán Văn)	1.20
LỊCH SỬ BÁO CHÍ	2.00
NGHỆ-THUẬT và DANH GIÁO	2.50
LƯỢC LUẬN về PHỤ NỮ V.N.	2.50
KHỔNG TỬ HỌC THUYẾT (1)	4.50

Sắp in :

LÃO-TỬ ĐẠO-ĐỨC-KINH
HƯƠNG THỜI TÂY
PHƯƠNG THANH

QUỐC HỌC THƯ XÃ

16 bis rue Tiên Tsin Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

KHỔNG GIÁO

với

Ô. ĐÀO-DUY-ANH

Nguyễn văn Điềm

Phê bình và nghiên cứu

Giá 4$00

— Nghiên cứu thật rõ tất cả những động lực xã-hội và lịch-sử, giúp cho sự thắng thế của khổng giáo.
— Biểu lộ thật rõ vai trò đẳng cấp của khổng giáo.

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc : LÊ MỘNG CÂU

Thư xã Alexandre de Rhodes

Mới ra hai cuốn :

TỦ SÁCH RỪNG XANH

Phạm-xuân-Độ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp-văn của Hoàng-hữu-Xứng và A de R.

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công có tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm...» dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$59
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi